

CHƯƠNG XIV

CÔNG ĐỒNG VATICAN II VÀ LỜI KÊU GỌI TRỞ VỀ NGUỒN

Ngày 25 tháng 1 năm 1959, trước sự ngỡ ngàng của mọi người, Đức Giáo hoàng Gioan XXIII công bố triệu tập một Công đồng chung với hai mục đích rộng mở: cập nhật hóa (aggiornamento) Giáo hội và mục vụ trong một thế giới đang thay đổi và sự trở về hiệp nhất các Kitô hữu. Sau bốn năm sửa soạn, ngày 11 tháng 10 năm 1962 Công đồng Vatican II chính thức khai mạc khóa đầu tiên. Đây là Công đồng chung lần thứ 21 quy tụ 2400 nghị phụ và bao gồm cả những quan sát viên ngoài Kitô giáo. Công đồng kết thúc ngày 8 tháng 12 năm 1965 dưới triều đại Đức Giáo hoàng Phaolô VI.

A. KHAI SINH VÀ DIỄN TIẾN CÔNG ĐỒNG VATICAN II

1. Bối cảnh Lịch sử

Kể từ khi Công đồng Vatican I bị đứt đoạn vì cuộc chiến giữa Đức và Pháp bùng nổ vào ngày 18 tháng 7 năm 1870, nhiều biến cố khác đã xảy ra cho tới khi Công đồng Vatican II được triệu tập vào ngày 11 tháng 10 năm 1962. Ở đây chỉ lược sơ qua những biến cố chính xảy ra trên thế giới, hầu có một cái nhìn rõ hơn bối cảnh chính trị, xã hội và tôn giáo khi Công đồng Vatican II được nhóm họp.

Cuộc chiến năm 1870, đưa Nã Phá Luân thảm bại dưới nước Đức, và hậu quả quân Pháp không còn bảo vệ thành Rôma nữa. Victor Emmanuel II nhận thành Rôma làm thủ đô nước Ý. Đức Giáo hoàng được bảo vệ nhưng chỉ còn được nhìn nhận tại khuôn viên thành Vatican và Castelgandolfo. Đức Giáo hoàng Pie IX hoàn toàn chống lại quyết định này, và cuộc tranh chấp giữa Vatican và nước Ý kéo dài cho tới năm 1929 mới được dàn

xếp ổn thỏa với hiệp ước Latran ký ngày 11 tháng 3 năm 1929. Mussolini nhìn nhận quyền tối thượng của Đức Giáo hoàng trên kinh thành Vatican; ngược lại Tòa thánh cũng chấp nhận Rôma làm thủ đô nước Ý. Hiệp ước Latran được tái xác nhận một lần nữa vào năm 1947 trong Hiến pháp cộng hòa Ý. Ngày 2 tháng 3 năm 1939, Đức hồng y Eugenio Pacelli, quốc vụ khanh Tòa Thánh từ năm 1930 được bầu lên Giáo hoàng lấy tên Pie XII. Triều đại kéo dài cho đến ngày 9 tháng 10 năm 1958, suốt thời kỳ xảy ra đệ nhị thế chiến. Trong giai đoạn này, sinh hoạt nội bộ Giáo hội có ít nhất hai điều quan trọng. Vào năm thánh 1950, Đức Giáo hoàng Pie XII công bố thông điệp "*Humani Generis*" ngày 12 tháng 8 năm 1950 lên án chống lại những suy tư mới về giáo thuyết; và ngày 1 tháng 11 năm 1950 ngài lại tuyên bố "*Ex Cathedra*" tín điều "*Đức Mẹ Hôn xác lên trời*". Khi Đức Giáo hoàng Pie XII qua đời, Hồng Y giáo chủ thành Venise, Guiseppe Roncalli, lên ngai Giáo hoàng với danh hiệu Gioan XXIII. Ngài qua đời ngày 3 tháng 6 năm 1963. Đức hồng y Giovanni Battista Montini thành Milan lên kế nhiệm lấy tên Phaolô VI. Dưới triều đại hai Đức Giáo hoàng Gioan XXIII và Phaolô VI, Công đồng Vatican II được triệu tập ngày 11 tháng 10 năm 1962 và bế mạc vào ngày 8 tháng 12 năm 1965.

B. ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN XXIII KHAI MẠC CÔNG ĐỒNG VATICAN II

1. Đôi dòng tiểu sử và cuộc đời

Guiseppe Roncalli sinh ngày 25 tháng 11 năm 1881 ở Sotto il Monte thuộc miền Pergame nước Ý trong một gia đình nông dân nghèo. Ngài vào tiểu chủng viện năm 12 tuổi, và cuộc đời tu trì trong suốt thời kỳ này được đánh dấu qua sự hướng dẫn với cha linh hướng F. Pitocchi thuộc dòng Chúa Cứu Thế. Sau đó, lên học thần học tại Rôma, lãnh chức linh mục vào năm 1904, và làm thư ký cho Đức Giám mục Radini Tedeschi, thành Pergame cho đến năm 1914. Trong công việc thư ký, Roncalli đã học nơi

vị Giám mục thành Pergame tinh thần mục vụ, cởi mở đối thoại trước những vấn đề xã hội.

Trong thời đệ I thế chiến Roncalli nhập ngũ, và khi cuộc chiến chấm dứt ngài lập một nhà cho sinh viên tại Pergame và làm cha linh hướng cho chủng viện. Từ năm 1921, Roncalli lên Rôma và làm việc trong bộ Truyền bá Đức Tin (tiền thân Bộ Truyền giáo hiện thời) cho đến năm 1925. Cha Roncalli mang ưu tư đi tìm ngân quỹ giúp cho các xứ truyền giáo. Từ năm 1925 đến 1934, ngài được gửi sang làm khâm sứ ở Bulgarie nơi một xứ theo Chính Thống giáo. Từ năm 1935 đến 1944, một lần nữa ngài lại được phái sang làm sứ thần Tòa thánh ở Thổ Nhĩ Kỳ (Islam) và Hy Lạp (Chính Thống giáo). Từ năm 1945 đến 1953, ngài làm Khâm sứ Tòa thánh tại Paris (Pháp) trong một bối cảnh khó khăn như: mối tương quan với thuyết Mác xít; chế độ thực dân hấp hối nhưng còn vùng vẫy với cuộc chiến tại những thuộc địa như ở Algérie và Việt Nam; nước Pháp bắt đầu đi vào sự giải hóa mất đi tính chất Kitô giáo.

Sau những kinh nghiệm dồi dào thâm thập được trong ngành ngoại giao, ngài được bổ nhiệm làm giáo chủ thành Venise lúc đã 72 tuổi, và giữ chức vụ đó trong vòng 5 năm. Vào ngày 25 tháng 10 năm 1958, Mật nghị Hồng y được khai mạc trong bầu không khí khó khăn tìm người thay thế Đức Giáo hoàng Pie XII qua đời, sau một triều đại dài với bối cảnh lịch sử khó khăn. Mật nghị Hồng Y đã kéo dài trong ba ngày, và các nghị phụ đã chọn bầu Đức hồng y Roncalli, một người mà chính các vị cũng nghĩ rằng sẽ chỉ đóng vai “Giáo hoàng chuyển tiếp” cho một giai đoạn lịch sử chuyển tiếp, vì tuổi ngài cũng đã khá cao.

Sau khi được bầu lên, Đức Gioan XXIII cho thấy là vị Giáo hoàng “hợp thời”, ý thức rõ ràng về vai trò chủ chăn Giáo hội trong thế giới hôm nay, chứ không chỉ đóng vai trò chuyển tiếp. Ngài chọn lại danh hiệu Gioan, tên các Đức Giáo hoàng trước đây không còn lựa chọn từ năm 1415, khi thời đó có một Giáo hoàng cũng mang tên Gioan XXIII nhưng bị khai trừ như “ngụy

Giáo hoàng”. Tiếp đến, trong bài diễn văn khai mạc triều đại Giáo hoàng, ngài đã dùng hình ảnh con cái ông Giacóp ghi trong Cựu ước: “*Tôi, Giuse là em của anh em đây...*” gửi gắm ý muốn chia sẻ thân phận và phục vụ con người. Thế nhưng ý muốn không cấm cản ngài vừa là người cha và vị mục tử. Đức Giáo hoàng Gioan XXIII bắt tay vào việc cải tổ lại giáo triều Rôma, cải thiện mối tương quan giữa vị Giáo hoàng và các cộng sự viên được dễ dàng và gần gũi nhau hơn. Tiếp theo ngày 15 tháng 12 năm 1958, ngài phong một lúc 23 hồng y, nâng tổng số hồng y đoàn vượt quá con số biểu tượng trước đây do Đức Sixtô V ấn định là 70 vị vào năm 1586.

Ngày 28 tháng 3 năm 1960, ngài lại tấn phong thêm bảy vị hồng y, trong số đó có một số vị hồng y tiên khởi của các Giáo hội thuộc xứ truyền giáo như: Hồng y Peter Tatsuo Doi, Nhật bản; hồng y Rufinos Santos Phi Luật Tân, và một vị Phi châu: hồng y Laurent Rugambwa. Trong cùng năm, vào ngày 24 tháng 11 năm 1960, qua Tông hiến “*Venerabilium Nostrorum*”, Đức Gioan XXIII thành lập hàng giáo phẩm Việt Nam. Đức Giáo hoàng Gioan XXIII còn chứng tỏ Giám mục thành Rôma bằng cách nhận Vương cung thánh đường Latran, và đi thăm những nơi khổ đau trong thành phố như nhà tù, bệnh viện, và không quên thăm các giáo xứ ở Rôma.

Bối cảnh thế giới khi Đức Gioan XXIII lên ngôi Giáo hoàng có vài dấu chỉ cởi mở giữa hai khối Đông và Tây Âu. Ngài muốn đưa Giáo hội đối thoại với tất cả mọi người trong tinh thần hòa bình. Trong cuộc khủng hoảng chính trị tại vịnh “Con Heo” vào năm 1962 giữa một bên Hoa Kỳ và bên kia Cuba và Nga xô, Đức Gioan XXIII đã gửi thông điệp ngày 25 tháng 10 cho cả đôi bên và trở thành bước đầu khai sinh ra đường lối chính trị hòa hoãn sau này của Vatican gọi “*Ostpolitik*”.

Đức Giáo hoàng Gioan XXIII một đảng đã nhìn thấy “dấu chỉ thời đại” với những điều xấu, nhưng đảng khác cũng nhận ra “chất men sống động” đổi mới từ Tin mừng. Đứng trước những

vấn đề thời đại nóng bỏng hôm nay, hơn ai hết, Đức Gioan XXIII xác tín rằng không thể nào có thể tự giải quyết nổi một mình được, nhưng cần có sự đồng lao cộng tác của các Giám mục trên thế giới. Qua các Giám mục tức là có sự tham gia của các tín hữu. Chỉ ba tháng sau khi được bầu lên Giáo hoàng, ngày 25 tháng 1 năm 1959 tại đền thờ thánh Phaolô ngoại thành, Đức Giáo hoàng Gioan XXIII đã ngỏ ý muốn triệu tập một Công đồng chung cho Giáo hội; cùng một lúc ngài cũng triệu tập một nghị hội cho giáo phận Rôma và tuyên bố soạn lại bộ Giáo Luật 1917 cho thích nghi với thời đại. Trong buổi đầu khi cư mang ý định triệu tập một Công đồng chung, chính Đức Giáo hoàng Gioan XXIII cũng chưa thấy rõ hoàn toàn chủ đích của Công đồng chung này. Sau này, ngài đã chỉ định hai mục đích bao quát rộng rãi của Công đồng: thứ nhất cập nhật hóa (aggiornamento) Giáo hội và đường hướng mục vụ trong một thế giới đang thay đổi mạnh mẽ; và thứ hai đưa Kitô giáo về hợp nhất: “chúng ta hãy hiệp nhất với nhau và hãy chấm dứt mọi bất hòa”.

Đức Gioan XXIII cũng đã ban hành một số thông điệp lớn:

- 14 tháng 7 năm 1961: Thông điệp “*Mater et Magistra*” (Mẹ và Thầy) về vấn đề xã hội.
- 11 tháng 4 năm 1963: Thông điệp “*Pacem in Terris*” (Hòa bình trên trái đất), thường được gọi thông điệp hòa bình. Ngài qua đời ngày 3 tháng 6 năm 1963 vì bệnh ung thư gan sau khi đã khai mạc Công đồng và theo dõi toàn khóa I Công đồng Vatican II.

2. Giai đoạn tiền chuẩn bị

Ngày 17 tháng 5 năm 1959, Đức Giáo hoàng Gioan XXIII bổ nhiệm hồng y quốc vụ khanh Domenico Tardini làm Trưởng ủy ban tiền chuẩn bị Công đồng. Ngày 18 tháng 6, hồng y Tardini gửi thư tới tất cả các Giám mục, bề trên dòng và các Đại học Công giáo xin góp ý và đề tài. Vào tháng 6 năm 1960, 12 ủy ban được thành lập, trong đó có 9 ủy ban tương ứng với các Thánh bộ Rôma. Ngoài ra, người ta đặc biệt lưu ý đến một số các quyết

định và sáng kiến mới như sự ra đời của Ủy ban về mục vụ tông đồ giáo dân, việc thành lập Văn phòng về hiệp nhất Kitô hữu do hồng y Augustin Bea (người Đức) điều hành, và nhất là việc đặt để một số Giám mục và thần học gia các nước trên thế giới vào trong các ủy ban chuẩn bị Công đồng. Sau hai năm làm việc, các ủy ban đã soạn thảo 70 lược đồ sơ thảo, và đề nghị một nội quy đưa ra ba cách họp: các Ủy ban gồm các Giám mục và thần học gia soạn thảo và trình bày những văn bản cho toàn thể các Giám mục trên thế giới. Mỗi Giám mục có quyền phát biểu 10 phút bằng tiếng La Tinh. Trong cuộc họp khoáng đại do Đức Giáo hoàng chủ tọa mới có quyền thông qua một văn bản. Ngày 2 tháng 2 năm 1962, tị sắc "*Concilium*" ấn định khai mạc Công đồng vào ngày 11 tháng 10 năm 1962.

3. Kỳ họp đầu tiên: 11-10 đến 8-12-1962

Ngày khai mạc Công đồng chung Vatican II có tất cả 2427 vị có mặt trên tổng số 2800 vị được mời. Đây thật sự là Công đồng hoàn vũ đầu tiên với một số đại diện đến từ các Châu và chủng tộc màu da khác nhau. Một số Giám mục trong các nước sống dưới chế độ cộng sản không tham dự như Nga, Trung quốc, Bắc Triều Tiên, Bắc Việt Nam, Lỗ Mã Ni..., ngược lại có một số vị đến từ Ba Lan, Hung Gia Lợi và Tiệp Khắc. Điều mới lạ hơn nữa là lần đầu tiên trong một Công đồng có quan sát viên thuộc Chính Thống Giáo, Anh Giáo, Tin Lành và Cựu Công Giáo. Các kỳ họp sau lại có thêm tất cả 37 dự thính viên giáo dân và trong số đó có 7 phụ nữ. Ngày 13 tháng 10 năm 1962 các nghị phụ bàn thảo phải chọn xong các Tiểu ban. Đức hồng y Tisserand, chủ tịch chủ tọa đoàn muốn bầu lại các Tiểu ban, tái xác nhận vai trò các tiểu ban tiền Công đồng mà các văn phòng trong Giáo triều Rôma đều có người then chốt. Đức hồng y Liénart, Giám mục thành Lille (Pháp) đề nghị xin hoãn lại việc bầu các tiểu ban để các nghị phụ có dịp gặp nhau, làm quen rồi mới bầu được. Từ khi bắt đầu thấy có hai khuynh hướng rõ rệt trong các nghị phụ: khuynh hướng đa số theo tư tưởng Đức Gioan XXIII muốn đưa Giáo hội "Cập

nhật hóa” (aggiornamento) với thế giới, đối thoại Hiệp nhất và trở về nguồn; nhóm thiểu số gồm các nước truyền thống Công giáo mạnh như Ý và Bồ Đào Nha không muốn có những thay đổi mạnh trong Giáo hội và gìn giữ kho tàng đức tin. Hai khuynh hướng kéo dài suốt thời kỳ Công đồng nhóm họp, vì thế các văn bản cần được bàn thảo, tranh cãi tìm những phương thức khả dĩ được đôi bên chấp nhận. Hai dự thảo đầu tiên được mang ra bàn cãi là Phụng vụ và về vấn đề Mạc Khải. Cả hai dự thảo đều được nhóm thủ cựu bênh vực và không muốn có cải cách; nhưng cuối cùng cuộc đấu phiếu chấp thuận phải đưa ra bàn cãi sửa lại cả hai dự thảo trên. Ngày 8 tháng 12 năm 1962 khi bế mạc khóa I, Công đồng Vatican II chưa công bố văn kiện nào. Từ 70 lược đồ sơ khởi các nghị phụ cũng đề nghị đưa xuống còn lại 20 lược đồ. Quan điểm Đức Giáo hoàng Gioan XXIII như việc đối thoại sẽ là cách nhìn Công đồng, chứ không chỉ họp ghi nhận tất cả những văn bản đã được soạn thảo trước. Ngài còn ấn định khóa II sẽ bắt đầu vào ngày lễ sinh nhật Đức Mẹ 8 tháng 9 năm 1963.

C. CÔNG ĐỒNG VATICAN II DƯỚI TRIỀU ĐỨC GIÁO HOÀNG PHAOLÔ VI

1. Đôi dòng tiểu sử và cuộc đời

Giovanni Battista Montini sinh ngày 26 tháng 9 năm 1897 ở Concescio gần thành Brescia (Ý) từ một gia đình thượng lưu. Bố làm nghề luật sư, dẫn thân trong Công giáo tiến hành và hoạt động xã hội. Montini được lớn lên trong bầu khí gia đình sốt sắng đạo giáo. Thời thiếu niên theo học trường dòng Don Bosco, sau đó lên học tại Đại chủng viện thành Brescia và thường xuyên đến liên lạc với tu viện dòng Biển Đức tại Chiari. Có phải ngài cũng mang ý hướng làm đan sĩ? Nhưng các đan sĩ khuyến khích Montini hướng về ơn gọi linh mục triều. Montini chịu chức năm 23 tuổi và lên Rôma theo học ở học viện Ngoại giao Tòa thánh. Năm 1922 đỗ tiến sĩ Giáo Luật và được gửi sang làm trợ lý tại Tòa Khâm sứ ở Varsovie (Ba Lan). Thế nhưng một năm sau, ngài lại

trở về Rôma có lẽ vì lý do sức khỏe, và làm việc tông đồ cho sinh viên từ năm 1924-1933.

Từ năm 1933-1954 làm việc tại Giáo triều Rôma. Năm 1937 được nhận vào phủ Quốc Vụ Khanh, làm việc cùng hồng y Pacelli sau này lên Đức Giáo hoàng Pie XII. Năm 1954, ngài được cử làm Giám mục thành Milan, với ưu tư truyền giáo cho Tổng giáo phận. Ngài gần gũi với giới thợ thuyền và công nhân, thường đến gặp họ tại ngay trong các nhà máy và công xưởng. Thế nhưng cũng không quên đến nhóm trí thức và các sinh hoạt văn hóa, và làm phát triển khoa xã hội và khoa tôn giáo ở Đại học Công giáo. Đức tổng Giám mục Montini còn đi thăm viếng nhiều xứ như Hoa Kỳ (1960), Ái Nhĩ Lan (1961) và nhiều nước trong lục địa Phi châu (1962).

Đức Montini được vinh thăng Hồng y vào ngày 15 tháng 12 năm 1958 dưới triều Đức Gioan XXIII, và được bổ nhiệm vào Ủy ban trung ương sửa soạn Công đồng chung. Đức Gioan XXIII qua đời ngày 3 tháng 6 năm 1963. Hơn hai tuần lễ sau, Mật nghị 80 hồng y đã bầu hồng y Giovanni Battista Montini thành Milan lên ngài Giáo hoàng ngày 21 tháng 6 năm 1963, lấy danh hiệu Phaolô VI. Công đồng Vatican II có còn tiếp tục nữa không, đó là câu hỏi nhiều người đặt ra và chờ đợi quyết định từ vị tân Giáo hoàng. Ngày 27 tháng 6 năm 1963, Đức Phaolô VI tuyên bố Công đồng Vatican II được tiếp tục và khóa II sẽ khai mạc vào ngày 29 tháng 9 năm 1963. Để guồng máy Công đồng được hữu hiệu hơn, Đức Phaolô VI thay đổi nội quy bằng cách bổ nhiệm bốn Hồng y đại diện điều hành các công việc với Hồng y Agagianian, Doefner, Lercaro và Suenens.

Tháng 1 năm 1964, đi hành hương Đất Thánh, một cuộc về nguồn và một dấu chỉ đại kết. Ngài gặp Đức Thượng phụ Athénagoras, thành Constantinople. Vào tháng 5 năm 1964, thành lập Văn phòng cho người ngoài Kitô giáo. Tháng 12 năm 1964, tông du sang Bombay (Ấn độ) nối nhịp cầu với các nước đệ tam.

Ngày 4 tháng 10 năm 1965, ngài đi Nữ Ớc (Hoa kỳ) đọc diễn văn tại Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. Ngày 7 tháng 12 năm 1965 tại Vương cung Thánh đường Phêrô ở Rôma, Đức Giáo hoàng Phaolô VI và Đức Thượng phụ Athénagoras giải hóa, xóa bỏ án vạ tuyệt thông xảy ra năm 1054 giữa Rôma và tòa thượng phụ Constantinople. Đây là bước tiến quan trọng trong cuộc đối thoại Đại Kết. Ngài bế mạc Công đồng Vatican II ngày 8 tháng 12 năm 1965.

Những thông điệp lớn của Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã ban hành:

- Ngày 6-8-1964: "*Ecclesiam Suam*" (Hội Thánh của mình): Giáo hội biết mình, tự cải thiện và đối thoại với thế giới hiện đại.

- Ngày 3-9-1965: "*Mysterium Fide*" (Mầu nhiệm Đức Tin): về sự tôn sùng Thánh Thể.

- Ngày 26-3-1967: "*Populorum Progressio*" (Phát triển các dân tộc): phát triển các tiềm năng nhân lực, cật lực phục vụ con người.

- Ngày 25-7-1968: "*Humanae vitae*" (sự sống con người): về vấn đề điều hòa sinh sản.

Đức Giáo hoàng Phaolô VI qua đời ngày 6 tháng 8 năm 1978 tại Castel Gandolfo.

2. Khóa II Công đồng Vatican II: 29-9 đến 4-12-1963

Khóa bế mạc với việc công bố Hiến chế Phụng vụ thánh: "*Sacrosanctum Concilium*"; sắc lệnh về các phương tiện truyền thông xã hội: "*Inter Mirifica*".

3. Khóa III Công đồng Vatican II: 14-9 đến 21-11-1964

Công bố hiến chế về Giáo hội: "*Lumen Gentium*"; sắc lệnh về Hiệp nhất: "*Unitatis Redintegratio*"; Sắc lệnh về các Giáo hội Công giáo Đông phương: "*Orientalium Ecclesiarum*".

4. Khóa IV Công đồng Vatican II: 14-9 đến 8-12-1965

Ngày 28 tháng 10 năm 1965, Công đồng công bố Sắc lệnh về nhiệm vụ Giám mục: "*Christus Dominus*"; Sắc lệnh về canh tân thích nghi đời sống dòng tu: "*Perfectae Caritatis*"; Sắc lệnh về đào tạo Linh mục: "*Optatam Totius Ecclesiae Renovationem*"; Tuyên ngôn về giáo dục Kitô giáo: "*Gravissimum Educationis Momentum*"; Tuyên ngôn về liên lạc với các Tôn giáo ngoài Kitô giáo: "*Nostra Aetate*".

Ngày 18 tháng 11 năm 1965, Công đồng công bố Hiến chế về Mạc Khải: "*Dei Verbum*"; Sắc lệnh về tông đồ giáo dân: "*Apostolicam Actuositatem*".

Ngày 7 tháng 12 năm 1965, Công đồng công bố Tuyên ngôn về tự do tôn giáo: "*Dignitatis Humanae*"; Sắc lệnh về hoạt động truyền giáo: "*Ad Gentes*"; Sắc lệnh về đời sống Linh mục: "*Presbyterorum Ordinis*"; Hiến chế về mục vụ: "*Gaudium et Spes*".

Tổng cộng Công đồng Vatican II công bố 4 Hiến chế; 9 Sắc lệnh và 3 Tuyên ngôn. Hiến chế là văn bản qui định của Công đồng, những văn bản chính. Sắc lệnh là những văn bản áp dụng những nguyên tắc đề ra từ Hiến chế. Tuyên ngôn là nguyên tắc và chỉ đạo nói lên tư tưởng Giáo hội.

D. CÔNG ĐỒNG VATICAN II ĐỊNH NGHĨA ĐỜI TU

Lịch sử cũng như nền tảng Tin mừng đời tu cho thấy cuộc sống đi trước những định nghĩa. Điều này cũng đúng với thần học đời tu. Khi đọc lịch sử đời tu, thấy gần như phải chờ đợi 20 thế kỷ mới có một định nghĩa rõ ràng về đời tu trong Giáo hội La Tinh. Thật vậy, trước đó những Công đồng và các Đức Giáo hoàng cũng có nói đến đời tu nhưng dưới khía cạnh Giáo Luật tức là những định nghĩa, những điều cho phép hay những điều cấm kỵ. Trước Công đồng Vatican II cũng có những Công đồng muốn làm luật cho đời tu nhưng cũng không thành công, như ngay cả ba Lời Khấn chỉ thật sự xuất hiện và được Giáo hội định nghĩa vào thế kỷ thứ XIII. Vì thế ba Lời Khấn trước đó đã trải qua hơn cả ngàn năm nhưng không được định nghĩa, nhưng ba

Lời Khẩn vẫn được thực hành và tồn tại. Ba Lời khẩn thời bấy giờ cũng không được áp dụng cho mọi dòng tu, vì trong một số dòng chỉ giữ một Lời khẩn như dòng Biển Đức với lời khẩn vâng lời. Ngược lại cũng có những dòng tu thêm lời khẩn thứ tư như lời khẩn kiên tâm hay lời khẩn phục vụ người nghèo. Cho nên ba Lời khẩn (khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục) không là nền tảng đời tu nhưng biểu thức đời tu.

Chúng ta phải đợi đến Công đồng Vatican II, khi Công đồng định nghĩa Giáo hội và từ đó mới thấy có điều gì đó định nghĩa tới đời tu. Công đồng Vatican đã đưa ra một số tài liệu thần học với tầm quan trọng khá khác nhau, ví dụ như khác biệt giữa những Hiến chế và những Sắc lệnh. Những Sắc lệnh có thể còn thay đổi theo thời gian, nhưng những Hiến Chế là một định nghĩa tín lý Giáo hội. Hiến chế thuộc đức tin Giáo hội được định nghĩa long trọng bởi đáng bản quyền chính thức. Và chính trong ba Văn bản Công đồng Vatican II có những định nghĩa thần học cho đời tu. Ở đây không còn những văn bản thuộc Giáo luật hay tầm quan trọng yếu kém nhưng những văn bản nói lên sự dân thân đức tin của Giáo hội.

Hiến chế thứ nhất nói đến đời tu mang tên “Lumen Gentium” (Ánh sáng muôn dân). Một hiến chế định nghĩa Giáo hội. Thế nhưng nên lấy nguyên ba chữ đầu của Hiến chế “Lumen Gentium Christus” để diễn đạt trọn ý nghĩa. Chính Đức Kitô là ánh sáng muôn dân, và Giáo hội hiện diện để nói lên ý nghĩa đó. Trong Hiến chế, đời tu được định nghĩa trong chương 6.²³⁸

Công đồng còn nói đến đời tu qua hai Sắc lệnh ít long trọng hơn như trong Hiến chế: Sắc lệnh về đời tu “*Perfectae Caritatis*” (đức ái trọn hảo)²³⁹ đã ảnh hưởng sâu xa trên các dòng tu. Sắc lệnh kêu gọi mọi dòng tu đi vào Canh tân, tìm lại trực giác ban đầu và nền tảng tức là phải xem xét lại tất cả các Hiến pháp của các Hội dòng. Và tiếp theo còn Sắc Lệnh về Nhiệm Vụ Mục Vụ của các Giám Mục trong Giáo Hội “Christus Dominus” nơi

chương 2²⁴⁰ nhắc nhở các Giám mục tôn trọng sắc thái của đời tu, và để ý để đời tu có một chỗ đứng trong giáo phận.

Cần xem xét kỹ hơn Hiến chế về Giáo hội, vì với văn bản này Giáo hội muốn nói lên những nền tảng tín lý và thần học đời tu. Hiến chế *Lumen Gentium* được thành hình ra sao? Khi các nghị phụ đến Rôma năm 1962 cho khóa đầu tiên của Công đồng, họ nhận được một văn bản đã được các nhà thần học soạn sẵn, và văn bản A trình bày về Giáo hội. Văn bản đưa ra hình ảnh một Giáo hội theo hình Kim tự tháp. Chương một nói về Đức Giáo hoàng như điều Công đồng Vatican đã định nghĩa. Chương hai về các Giám mục, chương ba các linh mục, chương bốn các phó tế, chương năm các tu sĩ nam nữ và chương sáu các giáo dân. Đó là một hình thức Giáo hội rất đẹp theo Kim tự tháp và được lưu truyền trong Giáo hội từ thời Trung cổ sang tới thời Phục hưng. Nơi đỉnh tháp là quyền hành thánh Phêrô, và các quyền hành khác mỗi lúc đi xuống đều kém hơn. Đời tu nằm kẹp giữa các linh mục và giáo dân. Nhiều phản ứng như một số linh mục-tu sĩ cho rằng mình phải ở hạng trên chứ không thể nào ở nơi bậc đó; các tu huynh và giáo dân cũng không hài lòng vì họ chỉ là những người chịu phép rửa mà thôi. Văn bản bị một số đồng nghị phụ bác bỏ, và hình ảnh về đời tu với nhiều sai lạc. Văn bản đặt đời tu thuộc thứ bậc quyền hành và những điều phải làm, đưa đời tu vào trạng thái trọn hảo thua kém trạng thái phép rửa, và đỉnh chóp sự trọn hảo là bí tích truyền chức linh mục. Một viễn ảnh thần học về Giáo hội khó có thể chấp nhận, và các nghị phụ đã bỏ phiếu chống văn bản đó. Các nhà thần học đã phải suy tư lại trong vòng ba năm trời và đưa ra một văn bản khác rõ ràng hơn về Giáo hội. Và văn bản cuối cùng được bỏ phiếu chấp thuận vào năm 1965 khi kết thúc Công đồng. Hiến chế được 2618 phiếu thuận và 4 phiếu chống.

Hiến chế được chia ra thành 8 chương giúp hiểu thần học về Giáo hội và đời tu là gì trong Giáo hội. Thật vậy, sẽ không hiểu đời tu nếu không đặt nó vào trong Giáo hội. Hiến chế bắt đầu với

sự khẳng định Giáo hội vừa biểu trưng Thiên Chúa Ba Ngôi, và phía con người Giáo hội là dân Thiên Chúa tụ họp lại. Giáo hội được trình bày dưới hai chiều kích mặc khải Thiên Chúa cho con người và mặc khải cho con người số phận của họ là gì: là một dân tộc duy nhất (chương 1 và 2).

Để Giáo hội hoàn thành hai sứ mệnh đó, cần phải có một phẩm trật. Từ phẩm trật ở đây không mang ý nghĩa quyền hành nhưng có ý nghĩa theo thánh Phaolô. Đó là sự nối kết trong dân Chúa với phẩm trật Giám mục, linh mục và phó tế, những thừa tác viên thánh. Chương 3 và 4 nói đến sứ mệnh Giáo hội: mặc khải Thiên Chúa Ba Ngôi và quy tụ các con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi. Sau đó Giáo hội biểu lộ cho mọi người được kêu gọi vào sự thánh thiện. Chương 5 kêu gọi phổ quát vào sự thánh thiện. Giáo hội có sứ mệnh giúp mọi người khám phá được mời gọi vào sự thánh thiện. Giáo hội cũng mang sứ mệnh sửa soạn sự trở lại của Đức Kitô trong vinh quang, sự chờ đợi “cánh chung”. Con người hướng về sự trở lại của Đức Kitô. Giữa hai thời gian đó, đời tu được trao ban sứ mệnh biểu lộ ngày hôm nay lời kêu gọi đi vào thánh thiện, và biểu lộ sự chờ đợi cho ngày Đức Kitô trở lại trong vinh quang.

Đời tu không còn thuộc trong bậc một phẩm trật, hay trong sự nối kết những sứ vụ nhưng thuộc thứ bậc dấu chỉ. Đời tu không định nghĩa bằng những việc phải làm nhưng trong thứ bậc mang ý nghĩa trong Giáo hội và trong trần thế.

Cuối cùng chương 8 nói tới Đức Trinh nữ Maria. Khuôn mặt của mọi sự nói trên và đã sống và nơi Ngài đã thực hiện điều đó. Đức Trinh Nữ mang khuôn mặt Giáo hội hoàn toàn thành công. Đức Maria không đứng một mình, vì có một số ít nghị phụ muốn Công đồng đưa ra một Hiến chế về Đức Mẹ. Phần lớn các nghị phụ đều chống vì Đức Maria có chỗ đứng trong Giáo hội. Ngài là đỉnh chóp và sự đấng quang của Giáo hội. Trong Ngài mọi sự được thực hiện, và giáo dân, thừa tác viên thánh, nam nữ tu sĩ nhìn nơi Ngài một mẫu gương.

Tóm lại, về đời tu hay đời thánh hiến, Công đồng Vatican II có ba văn bản quan trọng như nói trên. Nhưng trong đó hai văn bản quan trọng là chương 6 của Hiến chế tín lý về Giáo hội "*Lumen Gentium*" (Ánh sáng muôn dân), và sắc lệnh về vấn đề canh tân và thích nghi đời tu "*Perfectae Caritatis*" (Đức Ái trọn hảo). Công đồng Vatican II coi đời tu như dấu chỉ trong Giáo hội và trong trần thế.

- Hiến chế tín lý *Lumen Gentium* về Giáo hội đưa ra hình ảnh mới về Giáo hội, đi từ quan niệm Giáo hội như một kim tự tháp đến viễn ảnh Giáo hội mẫu nhiệm và bí tích cứu độ.

- Đời tu có hai sứ mệnh: biểu trưng ơn gọi thánh thiện và trở nên dấu chỉ thế giới đang đến.

Qua Hiến chế và sắc lệnh nêu trên, có thể thấy Công đồng Vatican II đưa ra năm hướng chung cho đời tu.

1. Đời thánh hiến loan báo lời mời gọi chung vào sự nên thánh của tất cả những ai nhận lãnh phép rửa

Hướng thứ nhất định nghĩa đời tu mang lời kêu gọi phổ quát vào sự thánh thiện. Ở đây cần đọc lại những chương Kinh Thánh: Isaia 6,1tt; Gioan 19,33-35; Mátthêu 21,12-17; Rôma 8. Đó là dấu chỉ theo nghĩa thần học mạc khải một thực tại sâu thẳm, giúp hiểu điều gì đó triệt để trong sâu thẳm con người. Theo nghĩa đó, các bí tích là những dấu chỉ mạc khải Thiên Chúa và đưa vào tham dự với hữu thể Thiên Chúa. Ý nghĩa nói được ý nghĩa đời tu không thánh thiện hơn những trạng thái cuộc sống khác, nhưng đời tu có sứ mệnh đặt ra dấu chỉ số phận chung nhân loại vào sự thánh thiện. Đời tu mang ý nghĩa tìm kiếm tình yêu Thiên Chúa. Người không ngừng đi tìm kiếm con người và chỉ có một mình Người mới có thể bồi đắp và hoàn thành đầy đủ sự tìm kiếm của con người. Thiên Chúa ở ngay trung tâm điểm đời sống người tu sĩ, và đời tu mang ý nghĩa như các giáo phụ Hy Lạp vẫn thường nói: "Hỡi người Kitô hữu, hãy trở nên những gì là anh".

Nhưng nếu muốn hiểu rõ ý đó cần nhìn lại Kinh Thánh. Kinh Thánh nêu rõ Thiên Chúa là Đấng thánh. Sự thánh thiện của Thiên Chúa hiện diện giữa thế giới và giữa dân Người. Đền thờ Giêrusalem có nơi Cự Thánh là nơi Thiên Chúa hiện diện. Sự thánh thiện Thiên Chúa không cắt đứt Người với thế gian nhưng Người sống trong thế gian giúp cho nó được thánh hóa. Thánh thiện không phải người không tội lỗi hay người được sinh ra với hào quang chiếu sáng trên đầu. Thánh thiện giúp khám phá với ngõ ngàng dù ai cũng đều được mời gọi đi vào thánh thiện của Đấng Thánh duy nhất. Như các Thiên thần có để mặc khải Thiên Chúa, Đấng thánh duy nhất hiện diện. Đòi tu hiện diện để nhắc nhở và mang ý nghĩa mọi người chịu phép rửa được mời gọi vào thánh thiện của Thiên Chúa. Người Kitô hữu là những người mang Đức Kitô trong lòng. Ngày chịu phép rửa được ghi dấu bằng dầu thánh như dấu chỉ Chúa Thánh Thần, và được kết hiệp vào Thiên Chúa Ba Ngôi. Đó cũng là ý nghĩa khi các Tin mừng cho biết ngày thứ sáu Tuần thánh tấm màn trong Đền thờ bị xé làm đôi, từ trên xuống dưới. Tấm màn Đền thờ chia nơi Thánh có hiện diện Thiên Chúa với đám dân chúng. Không ai có quyền vượt qua tấm màn ngoại trừ vị Thượng tế được đi vào đó mỗi năm một lần. Thật vậy không ai được vào nơi Cự Thánh, thế nhưng tấm màn đã bị xé đôi vào chiều thứ sáu Tuần thánh, và bị xé từ trên xuống dưới có nghĩa không thể nào sửa lại được... Từ đây không còn sự cắt đứt giữa thánh thiện Thiên Chúa và thế gian. Các tác giả Tin mừng nói một cách khác khi diễn tả ngày lễ Lá. Trong ngày đó Đức Giêsu đã đánh đổ mọi truyền thống. Ngài đi vào Đền thờ với đám đông chắc hẳn có những cô gái giang hồ, những kẻ tàn tật, trẻ em, phung hủi... những người bị Đền thờ ruồng bỏ. Ngày đó nếu theo đúng nghĩa người Do Thái, Đức Giêsu đã xúc phạm Đền thờ và đáng bị kết án tử hình. Đức Giêsu không xúc phạm Đền thờ, nhưng khẳng định mọi người được tham dự vào thánh thiện Thiên Chúa, và từ ngày đó sự cắt đứt giữa Thiên Chúa và thế gian không còn nữa. Đó là ý nghĩa thâm sâu ngày lễ Lá.

Đó là điều loan báo khi công bố mọi người chịu phép rửa được mời gọi vào thánh thiện. Đòi tu không có nghĩa không tội lỗi, hay được kết thành bởi những vị thánh, nhưng muốn nói người tu sĩ chắc chắn được mời gọi và được Thiên Chúa lấp đầy. Cuộc sống thân thiện với Thiên Chúa có thể được cho dù con người có tội. Đòi tu sẽ trở nên vô lý nếu như không có Thiên Chúa ở trung tâm điểm. Người tu sĩ tuyên khấn khiết tịnh không phải để loại bỏ yêu thương nhưng để mở lòng hoàn toàn cho tình yêu, tại vì họ mở lòng cho Đáng được gọi Tình Yêu. Người tu sĩ khấn vâng lời không phải chuyển nhượng tự do, nhưng tin rằng mình tham dự vào cuộc sống Thiên Chúa. Người biết nơi để dẫn ta đi và ta đặt lòng tin tưởng nơi Người. Người tu sĩ dâng lời khấn khó nghèo không phải để lấy cái khốn khổ, nhưng làm với hai bàn tay mở rộng để Thiên Chúa lấp đầy thánh thiện của Người. Thiên Chúa lấp đầy những gì ta không có. Các Lời khấn không đưa ta vào tình trạng bị tước đoạt, nhưng mở rộng đưa vào sự thánh thiện thông truyền mà Thiên Chúa muốn trao ban. Và người tu sĩ trở thành dấu chỉ thánh thiện trong thế gian không vì thánh thiện hơn người khác, nhưng lấy những phương tiện triệt để để nói lên cho nhân loại: Người tu sĩ được kêu gọi sống và là những dấu chỉ.

Công đồng Vatican II nói bí tích hôn phối người Kitô hữu là dấu chỉ Thiên Chúa muốn cưới nhân loại, và một Giáo hội không còn bí tích hôn phối có thể trở thành một Giáo hội mà trong đó có điều gì đó Thiên Chúa không được biểu đạt. Cũng vậy, một Giáo hội không có đòi tu trở nên một Giáo hội không thể biểu đạt lời gọi phổ quát về thánh thiện. Đòi tu có chỗ đứng mang ý nghĩa thánh thiện của Thiên Chúa.

Các Giáo hội Đông phương khai triển góc cạnh này rất nhiều. Đức Giáo hoàng Phaolô VI khi nói với bề trên Thượng cấp: Đòi tu biểu lộ với vẻ sáng rực rỡ, và làm cho hiểu bản tính thiêng liêng ơn gọi của loài người.

2. Đòi thánh hiến loan báo và hoàn thành ơn gọi cộng đoàn nhân loại

Hướng thứ hai đòi tu hoàn thành ơn gọi cộng đoàn Giáo hội. Trong thế giới ngày nay nhân loại luôn luôn bị cám dỗ để loại bỏ nhau. Vì thế một ơn gọi được trao ban cho đòi tu. Các văn bản Kinh Thánh vẫn nhắc đến điểm này như Isaia 60,11; 66,18-21; các đạo sĩ và các mục đồng đến viếng ngày Đức Giêsu sinh ra (Mt 2,1-12; Lc 2,8-20); hiến tế của Chúa Kitô để quy tụ trong sự hiệp nhất các con cái đang tản mác khắp nơi (Ga 11,49-52). Thật vậy, trước đây, đòi tu được coi như con đường duy nhất nên thánh cá nhân, nhưng đòi tu là hoa quả lời Thiên Chúa mời gọi. Người lập nên một dân tộc, quy tụ và hiệp nhất tất cả các con cái đang tản mác khắp nơi. Một công trình tự do, hiệp thông, vì thế đòi tu loan báo ý Thiên Chúa muốn quy tụ thành một dân tộc mọi người thuộc mọi ngôn ngữ, mọi màu da và chủng tộc.

Trở thành tu sĩ là chấp nhận đặt dấu chỉ một Giáo hội mà họ không lựa chọn người này hay người khác qua cuộc sống cộng đoàn. Chính Thiên Chúa kêu mời, và Đức Giáo hoàng Phaolô VI trong bài diễn văn đến các bề trên Thượng cấp nói: *“Trong thời gian rất lâu, đòi tu đã sai lầm chỉ được coi như con đường nên thánh cá nhân. Giờ đã đến theo đường hướng Công đồng anh chị em phải nhắc nhở cho hội dòng mình ơn gọi cộng đoàn”*. Thiên Chúa không cứu rỗi những người nhưng cả nhân loại. Người không cứu rỗi những cá nhân nhưng muốn quy tụ lại thành một dân tộc. Dân Do Thái mang dấu chỉ ý chí Thiên Chúa muốn quy tụ nhân loại. Mỗi khi dân Do Thái tự khép mình bằng cách loại những người khác, họ đã bỏ qua một bên ơn gọi Thiên Chúa đã trao ban.

Những chương cuối trong sách ngôn sứ Isaia cho thấy dân Ítraen được mời gọi làm rộng ra những lều của họ, không đặt cửa nơi những thành lũy để mọi màu da, ngôn ngữ và dân tộc có thể quy tụ lại. Thiên Chúa muốn quy tụ nhân loại, và Đức Kitô ngay từ trong thời thơ ấu đã biểu lộ điều đó. Đó là ý nghĩa văn bản Tin mừng theo Máthêu thuật chuyện các nhà thông

thái (chiêm tinh) đến bái. Họ không phải những ông vua, nhưng những người ngoại giáo đến từ Phương Đông và cho ý nghĩa sự quy tụ phổ quát nhân loại. Trong Tin mừng Luca có nói đến các mục đồng đã giữ vai trò các nhà chiêm tinh. Các mục đồng bị coi ô uế không thể đi vào Đền thánh vì với nghề nghiệp chần chừ ngoài đồng nên thường chung đụng với những xác chết. Họ đến bái lạy Hài nhi mang ý nghĩa quy tụ phổ quát. Đức Kitô không ngừng quy tụ những người bị xã hội loại bỏ.

Tin mừng Gioan sau đoạn Đức Giêsu làm cho ông Ladarô sống lại. Hội đồng công tọạ họp lại xem phải làm gì với Đức Giêsu, thượng tế Caipha đã nói: *“thà một người chết thay cho dân còn hơn là toàn dân bị tiêu diệt”* (Ga 11,50), và Gioan còn cho biết: *“ông không tự mình nói ra điều đó, nhưng vì ông là thượng tế năm ấy, nên đã tuyên sấm...”* (Ga 11,51). Gioan cũng xác định: *“không chỉ thay cho dân mà thôi, nhưng còn để quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối”* (Ga 11,52). Và trong mỗi Thánh lễ ta lập lại lời Đức Kitô: *“Này là chén máu Thầy. Máu giao ước mới và vĩnh cửu sẽ đổ ra cho các con và nhiều người được tha tội”*, tức là cho mọi người. Trong sách Khải huyền có nói về thời thế mạt như điều quy tụ phổ quát: *“rồi tôi nghe nói con số những người được đóng ấn: một trăm bốn mươi bốn ngàn người được đóng ấn, thuộc mọi chi tộc con cái Ítraen”* (Kh 7,4). Con số 144.000 đến từ số 12 X 12 X 1000. Số 12 diễn đạt sự hoàn hảo; 12 vương là hoàn hảo của hoàn hảo; và con số 1000 là con số lớn nhất trong ngôn ngữ Hy Lạp. Và từ số 1000 trở lên, đối với người Hy Lạp mang ý nghĩa “nhiều”, vì thế số lượng lớn rất nhiều nhân với 12 vương diễn đạt điều không thể nào làm hơn được.

Đức Kitô quy tụ nhân loại tản mác khắp nơi và đòi tu phải mang dấu chỉ đó. Thật vậy, mỗi cuộc sống biểu đạt lời kêu gọi phổ quát đi vào sự thánh thiện, nhưng sống cộng đoàn và sống thành hội dòng. Giáo hội không nhìn nhận ơn đoàn sủng cá nhân, nhưng ý chí các Đấng sáng lập dòng quy tụ chung quanh họ một nhóm người để sống theo Quy luật và Hiến pháp. Ở đây không

phải vấn đề phê chuẩn một ơn gọi cá nhân nhưng ý chí một Đấng sáng lập nào đó quy tụ anh chị em lại thành một nhóm. Hội dòng được nhìn nhận chứ không phải một cá nhân. Chiều kích quy tụ đòi tu mang cái căn bản khác biệt với những người nữ đồng trinh tận hiến. Đòi tu mang dấu chỉ ý chí Thiên Chúa quy tụ nhân loại bằng đời sống cộng đoàn, và chỗ đứng trong Giáo hội. Từ Công đồng Vatican II trở đi, các Giám mục ý thức hơn và hiểu rõ hơn ý nghĩa đòi tu, và chính họ cũng thường kêu gọi các tu sĩ phải ở cộng đoàn. Vì thế ngày nay có nhiều dòng tu thành lập những cộng đoàn nhỏ sống nơi nào đó với những anh chị em khác màu da, ngôn ngữ để nói lên chiều kích ngôn sứ dấu chỉ cộng đoàn.

3. Đòi thánh hiến loan báo Chúa Kitô chú ý những người bị bỏ rơi

Các văn bản Kinh Thánh: Isaia 1,10-20; 58,9-10; Mikha 6,8; Máthêu 22,1-10.

Hướng thần học này do Công đồng Vatican II định nghĩa tương đối dễ hiểu. Đọc lại Kinh Thánh, Thiên Chúa rõ ràng có lòng yêu thương đam mê những người nghèo, những kẻ bị bỏ quên, những người bị ruồng bỏ, và cho những người bị xã hội loại bỏ. Trong Cựu ước (Thánh vịnh và các Ngôn sứ) thường nhắc tới ba hạng người được Chúa yêu thương: kiều dân, bà góa và kẻ mồ côi... Những người trong xã hội thời Cổ đại không có chỗ đứng cũng như bị coi như không có hiện diện trong xã hội.

Mô hình xã hội chỉ dành cho người nam vì làm tiếp nối gia tài và mang gươm đao, nên bà góa không có sự hiện diện. Bà không có gia tài và không có người để bênh vực. Điều này được mô tả rõ ràng trong sách bà Rút. Người đàn bà góa không có gì cho dù góa phụ một người đàn ông giàu có, và từ đó đưa bà góa đi đến việc ăn xin. Điều này cũng đúng cho trẻ mồ côi, vì mất cha mẹ trước khi bước vào tuổi được hưởng phần gia tài, và vì thế nên không được coi có hiện diện pháp lý. Các trẻ mồ côi thường rơi vào tình trạng nô lệ. Người kiều dân thường bị coi như kẻ đến xâm chiếm. Họ chỉ được nhìn nhận nếu như mang đến cho

xã hội đó tiện nghi và hạnh phúc. Ngoài ra họ gây xáo trộn và đe dọa nên không được nhìn nhận trong xứ sở.

Trong Kinh Thánh, dấu chỉ vàng phục Lễ luật được các ngôn sứ lấy lại với câu hỏi: *“anh để ý thế nào đến bà góa, trẻ mồ côi và người kiều dân?”*. Hãy tìm đọc trong các sách ngôn sứ, như sách Isaia: *“Hãy tập làm điều thiện, tìm kiếm lẽ công bình, sửa phạt người áp bức, xử công minh cho cô nhi, biện hộ cho quả phụ”* (1,17). Những dấu chỉ lớn được trao ban không phải để biết ta lên Đền thánh mấy lần, vàng phục Lễ luật hay đóng thuế thập phân, nhưng người đã làm gì cho người kiều dân, bà góa và trẻ mồ côi? Một chú ý đến những người nghèo.

Đức Kitô không loại trừ một ai, và đặc biệt để ý đến những người nghèo. Những đối thủ cũng trách cứ Ngài nơi điểm ân cần với người kiều dân: người đàn bà xứ Samarie, người đàn bà xứ Syrô-Phênixi, những cô gái giang hồ, bà góa ... Đức Kitô ưu tiên dành cho những người không có chỗ đứng trong xã hội. Sách Công vụ tông đồ cũng nhấn mạnh đến sự sai đi đến những người sống bên lề, những người ở xa dễ quên và loại bỏ.

Cha Jean Claude Guy định nghĩa đòi tu như *“Ký ức Tin mừng Giáo hội”*. Đòi tu có sứ mệnh nhắc cho Giáo hội cần phải vượt qua biên giới mình. Giáo hội cần đi đến với người nghèo, với mọi hình thức nghèo, và đến với những kiều dân và những người bị bỏ quên. Đòi tu được khai sinh ra từ đó với thánh Antôn, và thánh Basiliô, thánh Macrine chú ý đến những người nghèo hèn nhất. Sứ mệnh đòi tu nhắc nhở những kẻ nghèo như những người ưu tiên của Thiên Chúa.

Đức Giáo hoàng Phaolô VI khẳng định: *“từ lịch sử và hiến pháp, đòi tu phản kháng một thế giới mà con người là nạn nhân của con người, một Giáo hội có xu hướng tự đóng khép mình. Đòi tu là dấu chỉ người nghèo là những người ưu tiên trong trái tim Thiên Chúa”*. Đòi tu trong lịch sử luôn luôn được gọi hứng để tiến xa, ra khỏi biên giới Giáo hội. Đòi tu mang dấu chỉ Giáo hội cho biết luôn luôn có người nghèo để yêu thương, và tìm kiếm họ. Cách thức phản

kháng được kết nên bởi lời khẩn còn nhắc nhở Giáo hội chưa bao giờ đi đến cùng đích.

Cha Didier Rimaud cho đòi tu gìn giữ ký ức Giáo hội và mang ý nghĩa chú ý đến những kẻ nghèo hèn nhất. Điểm này nói lên truyền thống lớn đòi tu lấy Thánh vịnh như lời kinh của mình. Thánh vịnh mang ngôn ngữ khá lạ với một số người, nhưng Thánh vịnh đã có lúc đòi tu khởi đầu. Thánh vịnh như lời kinh duy nhất được thánh Antôn chấp nhận. Thánh Phanxicô thành Assise không muốn có sách nào khác trong cộng đoàn ngoài sách Thánh vịnh. Thánh vịnh mang tiếng kêu của con người, và vì người tu sĩ thế thấy dễ hiểu khi đi vào với những Thánh vịnh tạ ơn: “Ca tụng Chúa với những nhạc khí”. Một số Thánh vịnh khác cho thấy khó khăn hơn và đôi lúc muốn cắt loại bỏ đi. May mắn thay chưa có những hành động như thế, vì lý do gì để cắt bỏ Lời Chúa? Đòi tu mang sứ mệnh tiếng kêu la của con người chứ không chỉ mang lời chúc tụng Chúa. Người tu sĩ có sứ mệnh thưa lên Thiên Chúa tiếng kêu la của con người. Vì vậy đòi tu mang sứ mệnh đòi đi vào trong lời ca ngợi, ca tụng Chúa nhân danh những người không thể ca tụng Người được, và sứ mệnh trình bày lên Thiên Chúa lời cầu nguyện và lời van xin của con người ngày nay. Và ngày hôm nay có những người chỉ biết kêu lên tiếng kêu thù hận và tức giận. Người tu sĩ không để thua sự thù hận và tức giận, nhưng mang sứ mệnh nói với Thiên Chúa: Lạy Chúa, họ là vậy đó; Hãy nhìn đến và nhận họ vào trong tình yêu của Người với những gì là chính họ. Đức Kitô cũng đã cầu nguyện với 150 Thánh vịnh như đã có trong Kinh Thánh.

4. Đòi thánh hiến loan báo chiều kích Thánh Thể cuộc sống thanh tấy

Đòi tu có sứ mệnh mạc khải cho con người hướng đi. Con người được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa và họ đang trên đường thần thánh hóa. Bí tích Thánh Thể mang viễn tượng hiệp thông với Thiên Chúa trước mặt Ba Ngôi. Vì thế Bí tích Thánh Thể hoàn thành sự thần thánh hóa mọi người. Bí tích Thánh Thể

là trung tâm điểm đời tu. Trọn đời sống ta là Thánh Lễ, hiệp thông với Đức Kitô vinh danh Thiên Chúa Cha. Trong Thánh Lễ, người tu sĩ cầu xin Chúa Thánh Thần làm cho hiệp nhất với Đức Kitô trong sự hiến dâng của Ngài lên Thiên Chúa Cha.

5. Đời thánh hiến loan báo sự chờ đợi vị Hôn Phu đến

Đời tu loan báo sự chờ đợi Thiên Chúa đến. Điều người tu sĩ trở thành chưa được tỏ lộ. Kinh Thánh kết thúc với tiếng kêu của Thánh Thần đi vào với vị Hôn Phu Giáo hội: “xin hãy đến với Đức Chúa Giêsu” và tiếng kêu đó được lặp lại trong mỗi Thánh Lễ.

Giáo hội đã trao phó cho đời tu sứ mệnh loan báo cho mỗi người ơn gọi thánh tầy. Lời khẩn điễn đạt chiều kích chờ đợi và canh thức. Chương 6 Hiến chế “Lumen Gentium” về đời tu được đặt giữa lời mời gọi phổ quát về sự thánh thiện và sự chờ đợi ngày Đức Giêsu trở lại. Đời tu mang dấu chỉ đã có và chưa có.

Thiên Chúa cứu rỗi thế gian, và hành vi thập giá xảy ra một lần và thế gian được cứu vớt. Người tu sĩ nhận phép rửa trong Đức Kitô và được mặc lấy Đức Kitô. Giáo hội Đông phương trong đêm vọng Phục sinh hát câu điệp khúc sau đây 12 X 12 lần, con số vuông hoàn hảo: “*Tất cả chúng ta nhận phép rửa trong Đức Kitô, chúng ta mặc lấy Đức Kitô*”. Người tu sĩ đã được mặc lấy Đức Kitô, và hành vi duy nhất của thập giá đưa vào sự Phục sinh của Đức Kitô và như thế được Đức Kitô cứu rỗi.

Nhưng những điều người tu sĩ được, như lời thánh Phaolô, vẫn chưa rõ ràng. Người tu sĩ biết mình nhưng còn chờ đợi sống trong sự viên mãn. Sự chờ đợi Đức Giêsu trở lại, và nhắc lại trong mỗi Thánh lễ: Maranatha! xin Đức Giêsu hãy đến! Lời nói cuối cùng của Kinh Thánh. Thần khí đến với vị hôn phu: Hãy đến! chúng tôi thuộc những chứng nhân của sự chờ đợi. Nếu như không chờ đợi, thì ngày mai ta sẽ làm gì? Nếu như được lấp đầy ngày hôm nay, ngày mai ta sẽ thất vọng và không còn gì nữa để hy vọng hay đợi chờ. Tình yêu vẫn tiếp tục vì tình yêu biết đợi

chờ từ người khác cái gì mới mẻ, và ngày mai sẽ còn đẹp hơn ngày hôm nay. Ta hướng về hy vọng một ngày mai đã có trong hôm nay và sẽ còn đẹp hơn ngày hôm nay. Một sự liên tục vĩnh cửu những gì ta đang sống hôm nay.

Sự phản kháng một thế giới không chờ đợi điều gì, không niềm hy vọng. Các Lời khấn có một ý nghĩa vì còn trong tình trạng chưa hoàn thành, và lo âu báo một sự chờ đợi. Cảnh chung như sự chờ đợi ngày mai và tin rằng Thiên Chúa đang đến và đòi tu mang dấu chỉ chờ đợi. Đức Giáo hoàng Phaolô VI ghi: *“đòi tu hướng về tương lai, có sứ mệnh biểu đạt Thiên Chúa đang đến. Đòi tu có sứ mệnh phản kháng một thế giới không niềm hy vọng...”*.

Kết luận

Sau Công đồng Vatican II, các văn kiện về đòi tu nêu lên ý niệm “thánh hiến”. Bộ Giáo luật 1983 đã trình bày các chiều kích tận hiến ở điều 573: *“(1) Đòi sống tận hiến qua việc tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm là một lối sống bền vững, nhờ đó các tín hữu theo sát Đức Kitô, dưới tác động của Thánh Linh, tự hiến hoàn toàn cho Thiên Chúa như Đấng đáng mến yêu tột bậc, ngõ hầu, một khi đã hiến thân, với một danh nghĩa mới và đặc biệt, cho việc tôn vinh Thiên Chúa, cho việc kiến thiết Giáo Hội và cho phân rỗi thế giới, họ nhắm tới đức ái hoàn thiện trong việc phục vụ nước Chúa, và trở thành dấu chỉ rực rỡ trong Giáo Hội tiên báo vinh quang trên trời.*

(2) Các tín hữu được tự do chấp nhận lối sống ấy trong các hội dòng tận hiến đã được nhà chức trách có thẩm quyền của Giáo Hội thiết lập theo giáo luật, bằng việc tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm khiết tịnh, khó nghèo, và vâng lời, nhờ lời khấn hay các môi dây ràng buộc khác. Những người ấy kết hợp với Giáo Hội và mầu nhiệm Giáo Hội cách đặc biệt do đức ái mà các lời khuyên này đưa tới”. Ý niệm tận hiến đặt ra câu hỏi về bản chất đòi tu cũng như chỗ đứng đòi tu đối với những phần tử khác trong Giáo hội. Đòi thánh hiến là một ân huệ đặc biệt của Chúa Thánh Thần cho Giáo hội. Các tu sĩ nêu lên điểm đặc biệt với những đòi hỏi Tin mừng liên quan đến những năng động cơ bản chung quanh những điều một con

người hoàn thành: tính dục, tư hữu, quyền thế. Sự lựa chọn đòi tu lấy nguồn trong ân huệ đặc biệt của Chúa Thánh Thần. Thêm nữa, đòi thánh hiến như một phương tiện đặc biệt hoàn thành sự hiện hữu Kitô giáo. Đòi tu không phải một trạng thái sống cao hơn các bậc sống khác, nhưng một cuộc sống khác biệt trong trách nhiệm và mang sứ vụ của mình trong lòng Giáo hội và giữa trần thế.

Ngoài ra, thần học đòi tu sau Công đồng Vatican II còn cho thấy đòi tu loan báo chiều kích truyền giáo Giáo hội. Bản chất đòi tu là truyền giáo, được sai đi. Đòi tu đi theo Chúa Kitô, Đấng được Thiên Chúa Cha sai đi. Đòi tu được linh hoạt bởi Thánh thần, vì thế đòi tu loan báo cho Giáo hội được sai đi không ngừng trong thế giới, đến với những người sống xa về vật chất, về nhân bản, về thiêng liêng và về địa lý.

²³⁸ **43. Những lời khuyên Phúc Âm trong Giáo Hội.** Những lời khuyên Phúc Âm về đức khiết tịnh để hiến mình cho Thiên Chúa, về đức nghèo khó và vâng lời, đều đặt nền tảng trên lời nói cùng gương lành của Chúa, đã được các Tông Đồ và các Giáo Phụ, các tiến sĩ và các chủ chăn Giáo Hội khuyên giữ. Các lời khuyên ấy là ân huệ thần linh mà Giáo Hội đã nhận lãnh bởi Chúa mình và luôn gìn giữ nhờ ơn Người. Theo sự hướng dẫn của Thánh Thần, chính giáo quyền ân cần giải thích các lời khuyên của Phúc Âm, hướng dẫn cách thực hành, cùng thiết lập những lối sống cố định dựa trên những lời khuyên ấy. Do đó, như một cây đâm chồi nảy lộc um tùm và kỳ diệu từ hạt giống Chúa gieo vãi trong cánh đồng của Người, thì cũng có nhiều lối sống khác nhau: đơn độc hay cộng đồng, và dòng tu khác nhau mà phần sản nghiệp dồi dào đem lại lợi ích cho các chi thể của dòng cũng như toàn Thân Thể Chúa Kitô 1. Thực vậy, các dòng ấy mang lại cho các chi thể những trợ lực bên bi trong một đời sống vững vàng hơn, một học thuyết vững chắc giúp đạt đến trọn lành, một mối hiệp thông huynh đệ trong đạo binh Chúa Kitô, và một sự tự do được đức vâng lời củng cố; thế nên, họ có thể an tâm chu toàn và trung thành gìn giữ lời khấn cùng hoan hỷ tiến bước trên con đường đức ái 2.

Xét theo thể chế của Giáo Hội do Chúa thiết lập và có phẩm trật, thì bậc sống tu trì không ở giữa bậc giáo sĩ và giáo dân; thực vậy Thiên Chúa kêu gọi một số Kitô hữu ở cả hai bậc giáo sĩ và giáo dân đến hưởng lấy ân huệ đặc biệt trong đời sống Giáo Hội, và mỗi người một cách góp phần vào sứ mệnh cứu độ của Giáo Hội 3. 56*

44. Bản tính và tầm quan trọng của bậc tu trì. Người Kitô hữu tự buộc mình tuân giữ ba lời khuyên của Phúc Âm qua lời khấn hay qua những ràng buộc thánh khác tương tự như lời khấn dòng; nhờ đó họ hiến thân hoàn toàn cho Thiên Chúa chí ái, để phụng sự và làm vinh danh Ngài với một danh hiệu mới mẻ và đặc biệt. Nhờ phép Thánh Tẩy, họ đã chết cho tội lỗi và được cung hiến cho Thiên Chúa; nhưng để có thể thâm lượm dồi dào ơn ích của bí tích ấy, người Kitô hữu muốn nhờ việc

khẩn giữ ba lời khuyên của Phúc Âm trong Giáo Hội, thoát ly khỏi những ngăn trở có thể làm họ không nhiệt tâm yêu mến và tôn thờ Thiên Chúa cách hoàn hảo; và họ tận hiến để phụng sự Thiên Chúa cách thân tình hơn 4. Việc cung hiến đó càng trở nên hoàn hảo hơn khi việc Chúa Kitô hiệp nhất với Giáo Hội, hiến thân của Người, bằng mối dây bất khả phân ly càng được phản ánh trong những mối dây ràng buộc chắc chắn và vững bền hơn.

Những lời khuyên của Phúc Âm đưa đến đức ái 5, và nhờ đức ái, những lời khuyên ấy kết hiệp các tu sĩ cách đặc biệt với Giáo Hội và với mẫu nhiệm Giáo Hội. Bởi đó, đời sống thiêng liêng của họ cũng phải mưu cầu lợi ích cho toàn thể Giáo Hội. Do đó, mỗi người tùy sức và ơn gọi của mình, bằng kính nguyện hay bằng hành động tích cực, có bổn phận làm cho Nước Chúa Kitô ăn rễ sâu và vững mạnh trong các tâm hồn và bành trướng trên khắp vũ trụ. Vì thế, Giáo Hội duy trì và nâng đỡ đặc tính riêng biệt của các tu hội.

Việc khẩn giữ các lời khuyên của Phúc Âm thực là một dấu chỉ có thể và phải lôi cuốn hữu hiệu tất cả mọi chi thể của Giáo Hội đến việc can đảm chu toàn ơn gọi làm Kitô hữu. Thực vậy, dân Thiên Chúa không đặt thành trì vĩnh viễn ở đời này, nhưng đi tìm một thành trì mai sau. Bậc tu trì giải thoát người tu sĩ bớt những lo lắng trần tục, cùng tỏ lộ cách hoàn hảo hơn cho mọi tín hữu thấy của cải trên trời đã có ngay dưới trần gian này, và làm chứng rằng ơn cứu chuộc của Chúa Kitô đã đem lại một đời sống mới và vĩnh cửu, đồng thời tiên báo sự phục sinh tương lai và vinh quang của Nước Trời. Hơn nữa, bậc sống tu trì bắt chước cách chính xác hơn và thực hiện liên tục trong Giáo Hội nếp sống mà Con Thiên Chúa đã nhận khi Người xuống thế để thi hành thánh ý Chúa Cha và cũng là nếp sống mà Người đã để ra cho các môn đệ theo Người. Sau cùng, bậc sống ấy đặc biệt cho ta thấy Nước Thiên Chúa vượt trên mọi sự trần thế và những đòi hỏi của Nước ấy cao cả biết bao; nó cũng cho mọi người thấy quyền lực cao trọng tuyệt vời của Chúa Kitô Vua và quyền năng vô cùng của Chúa Thánh Thần đang hoạt động cách kỳ diệu trong Giáo Hội.

Vì thế, bậc sống được thiết lập do việc tuyên khấn các lời khuyên của Phúc Âm, tuy không liên quan đến cơ cấu phẩm trật của Giáo Hội, nhưng dĩ nhiên cũng gắn chặt với đời sống và sự thánh thiện của Giáo Hội. 57*

45. Quyền bính Giáo Hội và bậc tu trì. Vì trong Giáo Hội, giáo phẩm có nhiệm vụ chăn dắt và dẫn đưa Dân Chúa đến những đồng cỏ phì nhiêu (x. Ez 34,14), nên có nhiệm vụ dùng các luật lệ mà hướng dẫn cách khôn ngoan việc thực hành những lời khuyên của Phúc Âm, vì đó là phương thế đặc biệt để cổ võ đức ái trọn hảo đối với Thiên Chúa và tha nhân 6. Ngoan ngoan vâng theo sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, giáo phẩm đón nhận những luật dòng do những nam nữ sáng lập viên lỗi lạc đề nghị, và chính thức phê chuẩn sau khi tu chính. Và do quyền hành của mình, giáo phẩm luôn có mặt để sẵn sóc và bảo trợ những dòng tu được thiết lập khắp nơi nhằm xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô, để các dòng tu ấy phát triển và sinh hoa kết quả theo tinh thần các đáng sáng lập.

Đàng khác, để đáp ứng cách hữu hiệu hơn nhu cầu của toàn thể đoàn chiên Chúa, Đức Giáo Hoàng, vì có quyền tối thượng trong toàn thể Giáo Hội và để phục vụ ích chung, có thể tách bất kỳ dòng tu hay tu sĩ nào khỏi quyền tài thẩm của các Đấng Bản Quyền và chỉ đặt dưới quyền duy nhất của ngài 7. Cũng thế, có thể có những dòng tu và những tu sĩ được để lại hoặc giao phó cho thẩm quyền riêng của các

Giáo Chủ. Khi chu toàn phận vụ đối với Giáo Hội qua cách sống đặc biệt của mình, các tu sĩ phải kính trọng và vâng lời các Giám Mục theo giáo luật, vì phải tôn trọng quyền mục vụ của các ngài trong Giáo Hội địa phương và vì cần phải có sự đồng tâm nhất trí trong việc tông đồ 8.

Giáo Hội không chỉ phê chuẩn việc khẩn dòng để đưa đời tu lên địa vị bậc sống theo giáo luật, nhưng qua việc cử hành phụng vụ, Giáo Hội còn trình bày việc khẩn dòng ấy như một bậc sống cung hiến cho Thiên Chúa. Với quyền hành Chúa ban, chính Giáo Hội nhận lời tuyên khấn của các tu sĩ; qua lời kinh công cộng, Giáo Hội xin Chúa ban ân sủng và trợ giúp họ, phó thác họ cho Thiên Chúa, chúc lành thiêng liêng cho họ, và kết hợp sự tận hiến của họ vào hy lễ tạ ơn. 58*

46. Sự cao cả của việc tận hiến. Các tu sĩ phải đem hết tâm lực làm cho Giáo Hội, qua con người của họ, thực sự biểu dương Chúa Kitô ngày một hoàn hảo hơn cho các tín hữu cũng như các lương dân: biểu dương Chúa Kitô đang cầu nguyện trên núi, hoặc đang loan báo Nước Thiên Chúa cho dân chúng, hoặc chữa lành những kẻ đau yếu tàn tật, hay hoán cải các tội nhân trở lại đời sống phong phú, hoặc đang chúc phúc cho trẻ em, ban ơn lành cho mọi người, và trong mọi sự luôn vâng phục thánh ý Chúa Cha, Đấng đã sai Người đến 9.

Sau cùng, mọi tu sĩ nên biết rằng việc khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm, tuy bao gồm sự từ bỏ những của cải mà dĩ nhiên phải được quý trọng, sẽ không làm ngăn trở việc phát triển đích thực nhân vị, trái lại do bản chất của nó còn có lợi cho con người. Thực vậy, các lời khuyên Phúc Âm, mà các tu sĩ đã tình nguyện chấp nhận theo ơn gọi riêng của mình, góp phần không ít vào việc thanh luyện tâm hồn và phát huy tự do thiêng liêng, và không ngừng khích lệ sống bác ái nhiệt thành, nhất là có sức làm cho người Kitô hữu ngày càng nên giống đời sống trinh khiết và khó nghèo mà Chúa Kitô đã chọn và Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Người, đã sống, như gương lành của bao đấng sáng lập dòng đã chứng tỏ. Không ai được nghĩ rằng, vì tận hiến như thế, các tu sĩ trở nên xa lạ với mọi người và vô dụng đối với xã hội trần thế. Vì dù đôi khi không trực tiếp phụ giúp người đồng thời với mình nhưng tu sĩ lại hiện diện cùng họ cách sâu xa hơn trong lòng Chúa Kitô và cộng tác một cách thiêng liêng với họ, để việc xây dựng xã hội trần thế luôn đặt nền móng nơi Chúa và luôn hướng về Người hầu những người xây dựng xã hội trần thế sẽ không luống công 10.

Vì thế, Thánh Công Đồng công nhận và khen ngợi nam nữ tu sĩ sống trong tu viện, trường học, bệnh viện hoặc trong các xứ truyền giáo, đang trang điểm Hiến Thể Chúa Kitô bằng tấm lòng khiêm hạ và kiên trung trong sự tận hiến và quảng đại phục vụ mọi người dưới muôn vàn hình thức. 59*

47. Khuyến khích sự kiên tâm và thăng tiến. Vậy mỗi tu sĩ được gọi để tuyên khấn, hãy chuyên tâm sống bền đỗ trong ơn thiên triệu Chúa đã gọi mình và hãy mãi mãi tiến bộ để làm cho sự thánh thiện của Giáo Hội thêm phong phú hơn và sự vinh hiển của Thiên Chúa Ba Ngôi duy nhất và bất phân thêm cao cả hơn. Trong và nhờ Chúa Kitô, Chúa Ba Ngôi là nguồn mạch và nguyên ủy mọi sự thánh thiện.

²³⁹ **Sắc Lệnh về Canh Tân Thích Nghi Đời Sống Dòng Tu**

1. Lời mở đầu Trong Hiến Chế với tựa đề Ánh Sáng Muôn Dân 1*, Thánh Công Đồng đã từng nêu rõ việc theo đuổi Đức Ái trọn hảo qua các lời khuyên Phúc Âm là công cuộc bắt nguồn từ giáo lý và gương sáng của Thầy Chí Thánh và tỏ hiện

như một dấu chỉ huy hoàng của Nước Trời. Giờ đây Thánh Công Đồng muốn bàn về đời sống và kỷ luật của các hội dòng có hội viên khấn giữ trinh khiết, khó nghèo và vâng lời, cũng như tiên liệu những nhu cầu của các hội dòng ấy theo những đòi hỏi của thời đại chúng ta.

Ngay từ thời sơ khai của Giáo Hội, đã có những người nam cũng như nữ, qua việc thực hành các lời khuyên Phúc Âm, quyết tự nguyện theo Chúa Kitô với một tinh thần tự do thanh thoát hơn, bất chước Người cách trung thành hơn, và mỗi người một cách, tất cả đều sống tận hiến cho Thiên Chúa; trong số đó có nhiều người được Chúa Thánh Thần thúc đẩy nên đã theo đuổi đời sống cô liêu tịch mịch, hoặc lập ra những dòng tu đã được Giáo Hội hài lòng dùng quyền của mình để đón nhận và phê chuẩn. Từ đó, bởi thánh ý Thiên Chúa, nảy sinh lạ lùng không biết bao nhiêu hội dòng khác nhau, đã mưu ích nhiều đến nỗi nhờ đó Giáo Hội chẳng những được trang bị đầy đủ hầu thi hành mọi việc thiện (x. 2Tim 3,17) và sẵn sàng chu toàn nhiệm vụ kiến tạo Thân Thể Chúa Kitô (x. Eph 4,12) mà còn được con cái tỏ thắm bằng những ân huệ khác nhau để như một hiến thể trang điểm xinh xắn ra mắt lang quân mình (x. Kh 21,2) lại nhờ đó mà đức khôn ngoan muôn mặt của Thiên Chúa được tỏ hiện (x. Eph 3,10).

Chính giữa biết bao ân huệ khác nhau ấy, tất cả những người được Thiên Chúa kêu gọi thực hành và quyết tâm khấn giữ trung thành các lời khuyên Phúc Âm đều hiến thân cho Chúa cách đặc biệt, khi noi gương Chúa Kitô, Đấng khiết trinh và khó nghèo (x. Mt 8,20; Lc 9,58). Đấng vì vâng lời cho đến chết trên thập giá (x. Ph 2,8) nên đã cứu chuộc và thánh hóa nhân loại. Được thúc đẩy như thế bởi đức mến mà Chúa Thánh thần đổ tràn trong lòng (x. Rm 5,5), họ càng ngày càng sống cho Chúa Kitô và Thân Thể Người là Giáo Hội (x. Col 1,24). Bởi vậy, họ càng nồng nàn kết hiệp với Chúa Kitô bao nhiêu qua việc dâng mình gồm trọn cả cuộc sống, đời sống Giáo Hội càng phong phú hơn và việc tông đồ của Giáo Hội càng dồi dào mãnh liệt hơn bấy nhiêu.

Nhưng để giá trị trỗi vượt cuộc đời thánh hiến bởi khấn giữ các lời khuyên và để nhiệm vụ khẩn thiết của đời sống ấy trong hoàn cảnh hiện tại mưu cầu lợi ích lớn lao cho Giáo Hội, Thánh Công Đồng này quy định những điểm sau đây liên quan đến các nguyên tắc tổng quát nhằm canh tân thích nghi đời sống và kỷ luật các dòng cũng như các tu hội có đời sống chung nhưng không có lời khấn và cả các tu hội triều, dù mỗi thứ vẫn giữ tính cách riêng biệt của mình. Còn các tiêu chuẩn riêng để trình bày và áp dụng cách thích ứng các nguyên tắc chung ấy sẽ được những cơ quan thẩm quyền sau Công Đồng quy định.

2. Nguyên tắc chung của việc canh tân thích nghi. Việc canh tân thích nghi đời sống dòng tu một trật bao gồm sự liên tục trở về nguồn mạch của đời sống Kitô hữu và ơn linh ứng nguyên thủy của hội dòng cũng như sự thích nghi hội dòng với những hoàn cảnh đổi thay qua các thời đại. Phải xúc tiến việc canh tân ấy dưới sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần và sự hướng dẫn của Giáo Hội theo các nguyên tắc sau đây:

a) Bước theo Chúa Kitô như Phúc Âm dạy là tiêu chuẩn tối hậu của đời tu dòng, nên tất cả các hội dòng phải coi tiêu chuẩn ấy như là quy luật tối thượng. 2*

b) Chính để mưu ích cho Giáo Hội nên mỗi dòng có tính cách và phận vụ riêng. Do đó, phải trung thành nhận thức và noi giữ tinh thần cùng ý hướng đặc biệt của các

Đấng Sáng Lập cũng như tất cả các truyền thống lành mạnh, vì tất cả những yếu tố đó tạo nên di sản của mỗi hội dòng. 3*

c) Mọi hội dòng đều phải tham dự vào đời sống Giáo Hội và tùy tính cách riêng của mình phải hết sức cố võ những sáng kiến và đề nghị của Giáo Hội, chẳng hạn trong lãnh vực Thánh Kinh, phụng vụ, tín lý, mục vụ, hiệp nhất, truyền giáo và xã hội như thế là chính của riêng mình.

d) Các hội dòng phải thúc đẩy các tu sĩ tìm hiểu đầy đủ về hiện trạng của con người, của thời thế và về các nhu cầu của Giáo Hội, làm sao để một khi biết khôn ngoan nhận định những hoàn cảnh của thế giới ngày nay trong ánh sáng đức tin và biết nung nấu nhiệt tâm truyền giáo, họ có thể nâng đỡ con người cách hữu hiệu hơn.

e) Đời sống tu trì trước hết nhằm làm cho các tu sĩ theo Chúa Kitô và kết hợp với Thiên Chúa nhờ khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm; bởi thế, phải thận trọng cân nhắc: những nỗ lực tốt đẹp nhất nhằm thích nghi với các nhu cầu hiện đại sẽ chẳng sinh kết quả gì, nếu không được linh động nhờ sự canh tân về tu đức, vì đó là yếu tố bao giờ cũng giữ địa vị then chốt, ngay cả khi phải xúc tiến các hoạt động bên ngoài.

3. Tiêu chuẩn thực tế của việc canh tân thích nghi. Cách sống, cách cầu nguyện và hoạt động phải tùy theo tính chất của mỗi dòng để thích ứng với hiện trạng thể lý và tâm lý của các tu sĩ, cũng như với các nhu cầu tông đồ, những đòi hỏi văn hóa, những hoàn cảnh xã hội và kinh tế ở khắp mọi nơi, nhất là trong các xứ truyền giáo.

Cũng phải theo các tiêu chuẩn ấy để duyệt lại đường lối quản trị các dòng.

Bởi vậy các hiến chương, các tập chỉ dẫn, các bản luật lệ, sách kinh và nghi thức cũng như các tập sách luật tương tự phải được duyệt lại cho thích hợp; phải loại bỏ những qui tắc lỗi thời để thích nghi với các văn kiện của Thánh Công Đồng này.

4. Người chịu trách nhiệm chính trong việc canh tân. Việc canh tân hữu hiệu và thích nghi đúng đắn chỉ có thể thành đạt với sự cộng tác của hết mọi tu sĩ trong dòng. 4*

Nhưng ấn định các tiêu chuẩn và thiết lập các khoản luật về việc canh tân thích nghi cũng như cho phép thí nghiệm đầy đủ và khôn ngoan, phải là nhiệm vụ riêng của các vị có thẩm quyền, nhất là của tổng tu nghị, và nếu cần, với sự phê chuẩn của Tòa Thánh hoặc các Đấng Bản Quyền tùy theo Giáo Luật ấn định. Còn các Bề Trên, phải thăm dò và thu nhận ý kiến của các tu sĩ cách thích đáng trong những vấn đề liên quan đến toàn thể hội dòng.

Để canh tân thích nghi các đan viện nữ, cũng có thể đón nhận nguyện vọng và ý kiến của các hội dòng liên viện hoặc của các hội đồng khác đã triệu tập họp pháp.

Tuy nhiên, mọi người nên nhớ là phải đặt niềm hy vọng canh tân vào việc gia tăng lòng cần mẫn tuân giữ qui luật và hiến chương hơn là làm thêm nhiều luật mới.

5. Yếu tố chung cho mọi hình thức đời sống dòng tu. Tu sĩ của bất cứ hội dòng nào cũng phải ghi tâm điều này: chính nhờ khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm nên mình đã đáp ứng ơn thiên triệu, vì thế, chẳng những phải chết đi cho tội lỗi (x. Rm 6,11), nhưng còn phải từ bỏ thế gian để sống cho một mình Thiên Chúa. Thực vậy, họ đã cung hiến toàn thể cuộc đời để làm tôi tớ Thiên Chúa và sự cung hiến ấy đã thực sự

tao nên một sự thánh hiến đặc biệt 5*, ăn rễ sâu trong sự thánh hiến của ngày chịu phép rửa tội, đồng thời biểu lộ sự thánh hiến này cách trọn hảo hơn

Vì sự tự hiến ấy đã được Giáo Hội chuẩn nhận, nên họ phải biết rằng mình đã được ràng buộc vào bốn phận phục vụ Giáo Hội.

Việc phụng sự Thiên Chúa như thế phải hồi thúc và nung đúc họ thực hành các nhân đức, nhất là đức khiêm nhường và vâng lời, can đảm và khiết tịnh, nhờ những nhân đức ấy, họ tham dự vào sự tự hủy của Chúa Kitô (x. Ph 2,7-8) và đồng thời vào sự sống của Người trong tinh thần (x. Rm 8,1-13).

Vậy, các tu sĩ phải trung thành với lời khấn của mình và vì Chúa Kitô, từ bỏ mọi sự (x. Mc 10, 28). Để theo Người (x. Mt 19, 21) như một điều cần thiết duy nhất (x. Lc 10,42) nghe lời Người (x. Lc 10,39) và lo lắng đến những gì thuộc về Người (x. 1Cor 7,32).

Vì thế, tu sĩ của bất cứ hội dòng nào, trong lúc chỉ đi tìm một mình Thiên Chúa trên hết mọi sự, đều phải liên kết việc chiêm niệm với nhiệt tâm truyền giáo: vì nhờ chiêm niệm, họ kết hợp lòng trí với Thiên Chúa, và nhờ nhiệt tâm truyền giáo, họ tham gia công cuộc Cứu Thế và mở rộng Nước Chúa.

6. Ưu tiên của đời sống thiêng liêng. Những ai khấn giữ các lời khuyên Phúc Âm đều phải tìm kiếm và yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự 6*, vì người đã yêu chúng ta trước (x. 1 Gio 4,10); trong mọi hoàn cảnh, họ phải cố gắng phát triển đời sống ẩn dật cùng Chúa Kitô trong Thiên Chúa (x. Col 3,3), vì đó là nguồn mạch và động lực phát sinh tình yêu tha nhân nhằm cứu rỗi nhân loại và xây dựng Giáo Hội. Cũng chính đức ái này làm linh động và hướng dẫn việc thực hành các lời khuyên Phúc Âm.

Vì thế, tu sĩ của các hội dòng phải cần mẫn luyện tập tinh thần cầu nguyện và cả sự cầu nguyện, mức ở nơi nguồn mạch đích thực của nền tu đức Kitô giáo. Trước hết, hằng ngày, phải có Quyển Thánh Kinh trong tay để học được những “kiến thức siêu việt về Chúa Giêsu Kitô» (Ph 3,8) nhờ đọc và suy gẫm. Phải theo tinh thần của Giáo Hội để đem hết tâm hồn, miệng lưỡi chu toàn các Lễ Nghi Phụng Vụ, nhất là Mầu Nhiệm Thánh Thể, lại phải nuôi dưỡng đời sống tu đức bằng nguồn mạch phong phú ấy.

Nhờ bổ sức như thế nơi bàn Luật Chúa và bàn thờ thánh họ yêu thương các chi thể của Chúa Kitô như anh em, kính trọng và yêu mến các vị chủ chăn với tính con thảo; họ phải càng ngày càng sống và cảm nghĩ với Giáo Hội hơn, và tận hiến phụng sự sứ mệnh của Giáo Hội.

7. Những hội dòng hoàn toàn chuyên lo chiêm niệm. Trong những hội dòng hoàn toàn chuyên lo chiêm niệm, các tu sĩ chỉ nhất tâm phụng sự một mình Thiên Chúa trong cô tịch và lặng lẽ, trong việc chuyên lo cầu nguyện và hân hoan hãm mình, thì cho dù nhu cầu hoạt động tông đồ có khẩn thiết đi nữa, những hội dòng ấy vẫn luôn giữ một địa vị cao quý trong Nhiệm Thể Chúa Kitô, trong đó, “mỗi chi thể đều có một tác động khác nhau» (Rm 12,4). Thực vậy, họ dâng lên Thiên Chúa hy lễ chúc tụng tuyệt hảo, làm vẻ vang dân Thiên Chúa bằng những hoa trái thánh thiện dồi dào, lấy gương lành lôi cuốn và làm cho dân ấy thêm lớn mạnh bằng việc tông đồ tuy âm thầm nhưng phong phú. Như thế, họ là vinh dự của Giáo Hội và là mạch tuôn trào các ơn thiêng. Tuy nhiên, chẳng phải duyệt lại cách sống của họ

theo những nguyên tắc và tiêu chuẩn về việc thích nghi canh tân như đã nói trên kia; dẫu vậy, vẫn phải kính cẩn bảo tồn cách biệt thế gian và những sinh hoạt riêng trong đời chiêm niệm của họ.

8. Những hội dòng dẫn thân làm việc tông đồ. Trong Giáo Hội, có rất nhiều hội dòng dành cho giáo sĩ hoặc giáo dân dẫn thân làm việc tông đồ khác nhau tùy theo các ơn Chúa ban: người được ơn phục vụ để phục vụ hoặc ơn giáo lý để giảng thuyết, kẻ được ơn khuyến cáo để dẫn dụ, người ban phát cách đơn, người thương xót trong vui vẻ (x. Rm 12,5-8). “Các ân sủng dẫu khác nhau, tuy nhiên cũng cùng một Thánh Thần» (1Cor 12,4).

Nơi những hội dòng này, bản tính đời sống tu trì nhằm hoạt động tông đồ và từ thiện như một tác vụ thánh và như là công trình riêng của đức ái, do Giáo Hội ủy thác cho họ và phải được thi hành nhân danh Giáo Hội. Vì thế, toàn thể cuộc đời tu dòng của tu sĩ phải thấm nhuần tinh thần tông đồ và toàn thể hoạt động tông đồ phải được linh động nhờ hình thành trong tinh thần tu dòng. Vậy để các tu sĩ trước hết đáp lại ơn kêu gọi của họ là theo Chúa Kitô, và phục vụ chính Chúa Kitô trong các chi thể của Người, hoạt động tông đồ của các tu sĩ phải được phát sinh từ cuộc sống kết hiệp mật thiết với chính Chúa Kitô, nhờ đó, chính đức mến Chúa yêu người được triển nở.

Bởi thế, các hội dòng ấy hãy thích nghi luật lệ và tập tục riêng với các đòi hỏi của việc tông đồ họ chuyên lo. Nhưng, vì đời tu dòng chuyên lo hoạt động tông đồ mang nhiều hình thức khác nhau, nên trong việc thích nghi canh tân, cần xét đến tính cách khác biệt ấy, đồng thời đời sống phụng sự Chúa Kitô của các tu sĩ trong nhiều hội dòng khác nhau, cần được nâng đỡ bằng những phương thế thích hợp riêng tùy mỗi hội dòng.

9. Trung thành với đời sống đan viện và cộng đồng. Phải trung thành duy trì và càng ngày càng làm sáng tỏ định chế đan viện khả kính trong tinh thần đích thực của nó, ở Đông Phương cũng như Tây Phương. Định chế ấy, qua bao thế kỷ, đã tạo được nhiều công nghiệp hiển hách trong Giáo Hội và cộng đồng nhân loại. Nhiệm vụ chính yếu của các đan sĩ là phục vụ Thiên Chúa trong đời sống ẩn dật, hoặc phụ trách cách hợp pháp một vài công việc tông đồ hay bác ái Kitô giáo. Vậy, tuy vẫn duy trì tính chất riêng của mỗi dòng, họ cũng cần canh tân những tập truyền tốt lành xưa và thích nghi chúng với những nhu cầu hiện đại của các linh hồn để đan viện trở thành như trung tâm vun trồng dân Kitô giáo.

Cũng vậy, các dòng có hiến chương hay qui luật liên kết chặt chẽ đời tông đồ với việc đọc nhật tụng trong ca hội và những luật lệ đan viện, hãy hòa hợp cách sống với các đòi hỏi của những việc tông đồ thích hợp với họ, làm sao để trung thành giữ được lối sống của mình đồng thời vẫn sinh nhiều ích lợi cho Giáo Hội.

10. Đời sống tu trì giáo dân. Đời sống tu trì giáo dân, bất luận nam cũng như nữ, tự nó làm thành một bậc sống đầy đủ để khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm. Vì thế, Thánh Công Đồng quý trọng bậc sống rất hữu ích này, hữu ích cho sứ mệnh mục vụ của Giáo Hội trong lãnh vực giáo dục thanh thiếu niên, săn sóc bệnh nhân và chu toàn những nhiệm vụ khác. Thánh Công Đồng cũng cố các tu sĩ ấy trong ơn gọi của họ và khuyến khích họ thích nghi cuộc sống với những đòi hỏi hiện đại.

Thánh Công Đồng tuyên bố rằng: trong những dòng tu dành cho các Tu Huynh, không có gì trở ngại nếu có vài tu sĩ lãnh nhận các Chức Thánh để đáp ứng những nhu cầu cần đến chức vụ linh mục trong nhà mình, tùy Tổng Tu Nghị quyết định, nhưng vẫn phải duy trì tính chất giáo dân của tu hội.

11. Tu hội triều. Những tu hội triều, tuy không phải là dòng tu, nhưng cũng có lời khẩn thật sự và trọn vẹn được Giáo Hội công nhận để giữ các lời khuyên Phúc Âm ở giữa đời. Lời khẩn ấy tận hiến các hội viên nam cũng như nữ, giáo dân cũng như giáo sĩ hiện đang sống giữa đời. Bởi đó, chính họ phải trước hết quyết tâm tận hiến toàn thân cho Thiên Chúa trong đức ái trọn hảo; còn tu hội, phải giữ tính chất đặc thù của mình, là sống giữa đời, để dù ở đâu, họ cũng có thể chu toàn hữu hiệu việc tông đồ ở giữa đời và như phát sinh từ lòng đời theo như tu hội đã chủ trương khi thành lập.

Tuy nhiên, các tu hội ấy phải biết rõ rằng: chỉ có thể chu toàn nhiệm vụ lớn lao ấy một khi các hội viên được ân cần huấn luyện về đạo cũng như đời, sao cho họ thực sự là men giữa đời để làm cho Thân Thể Chúa Kitô được mạnh mẽ và lớn lên. Vì vậy, các Bề Trên phải thận trọng lo cho họ được huấn luyện nhất là về đường tu đức, lại phải cố gắng tăng thêm việc huấn luyện ấy sau này nữa.

12. Đức khiết tịnh. Đức khiết tịnh “vì nước Trời» (Mt 19,12), mà các tu sĩ khẩn giữ, phải được quý trọng như một ân huệ cao cả của ơn thánh. Thật vậy, ơn ấy giải thoát lòng con người cách đặc biệt (x. 1Cor 7,32-35), để nồng nàn mến Chúa và yêu mọi người hơn. Vì thế, đức khiết tịnh là dấu chỉ đặc biệt của kho tàng trên trời và cũng là phương tiện thích hợp nhất cho các tu sĩ hân hoan hiến mình phụng sự Thiên Chúa và làm việc tông đồ. Do đó, họ gọi ra trước mặt mọi Kitô hữu sự kết hợp lạ lùng do Thiên Chúa thiết lập và sẽ tỏ hiện đầy đủ ở đời sau, là Giáo Hội được nhận Chúa Kitô làm lang quân độc nhất của mình.

Vậy, các tu sĩ hãy trung thành giữ lời mình khẩn, tin lời Chúa dạy, trông cậy vào ơn Ngài, đừng tự phụ vì sức riêng mình, lại phải sống hãm mình và gìn giữ ngũ quan. Cũng đừng bỏ qua những phương thế tự nhiên giúp cho tinh thần và thể xác được lành mạnh. Như thế, họ sẽ không bị lung lạc vì những tà thuyết rêu rao rằng sự tiết dục trọn vẹn là việc không thể giữ được hoặc có hại cho sự phát triển con người; và như bởi một bản năng thiêng liêng, họ hãy khước từ tất cả những gì đe dọa đức khiết tịnh. Hơn nữa, hết mọi người, nhất là các Bề Trên, đều phải nhớ rằng: đức khiết tịnh được bảo trì an toàn hơn cả khi trong đời sống cộng đoàn có tình huynh đệ đích thực giữa các tu sĩ.

Sự tiết dục trọn vẹn đụng chạm đến những khuynh hướng tâm sâu của bản tính con người, nên những người muốn khẩn giữ khiết tịnh chỉ nên quyết định và chỉ được chấp thuận sau một thời gian thử thách thực đầy đủ và đã thấy có sự trưởng thành tâm lý, tình cảm cần thiết 7*. Không những phải căn dặn họ về những nguy hiểm hay xảy đến cho đức khiết tịnh, nhưng còn phải huấn luyện thế nào để họ đón nhận cuộc sống độc thân hiến dâng cho Thiên Chúa đồng thời đem lại lợi ích cho con người toàn diện của họ.

13. Đức khó nghèo. Tự nguyện sống khó nghèo 8* để theo Chúa Kitô là dấu chứng cho việc theo Chúa Kitô rất được trọng vọng, nhất là ngày nay. Vì thế, các tu sĩ hãy miệt mài trau dồi và nếu cần, hãy biểu lộ sự khó nghèo ấy bằng những hình thức mới. Nhờ nhân đức này, họ được san sẻ sự nghèo khó của Chúa Kitô. Đáng tuy

giàu có, đã trở nên thiếu thốn vì chúng ta để chúng ta được giàu sang nhờ sự cùng cực của Người (x. Cr 8,9; Mt 8,20).

Khó nghèo trong đời tu dòng không chỉ hạn hẹp trong sự lệ thuộc Bề Trên khi sử dụng của cải, nhưng là phải nghèo khó trong thực tế và trong tinh thần để chỉ lo thu tích một kho tàng trên trời (x. Mt 6,20).

Trong chức vụ riêng của mỗi người, các tu sĩ phải cảm thấy luật làm việc là luật chung cũng ràng buộc họ, và trong lúc nhờ đó mưu cầu những gì cần thiết để sống và hoạt động, họ hãy trút bỏ mọi âu lo quá đáng để cậy trông vào sự Quan Phòng của Cha trên Trời (x. Mt 6,25).

Các hội dòng có thể ấn định trong hiến chương cho phép các tu sĩ khước từ gia sản đã có hay sẽ lãnh nhận.

Chính các hội dòng, tùy hoàn cảnh địa phương, hãy nỗ lực như tập thể làm chứng về đức khó nghèo, hãy sẵn lòng trích một phần của cải để cung ứng cho những nhu cầu khác của Giáo Hội và nâng đỡ những người thiếu thốn là những người mà mọi tu sĩ phải yêu thương với tâm tình của Chúa Kitô (x. Mt 19,21; 25,34-46; Gc 2,15-16; 1Ga 3,17). Các tình cũng như các nhà của hội dòng hãy san sẻ của cải cho nhau, để nơi dư thừa giúp đỡ nơi thiếu thốn.

Mặc dầu các hội dòng có quyền sở hữu tất cả những gì cần thiết để sống ở đời này và để hoạt động, nhưng hãy tránh mọi hình thức xa hoa trục lợi quá đáng hoặc thu tích dư dật trừ khi qui luật và hiến chương dạy khác.

14. Đức vâng lời. Nhờ khẩn giữ đức vâng lời 9*, các tu sĩ tận hiến ý muốn mình như của lễ bản thân dâng lên Thiên Chúa, nhờ đó họ được kết hợp với ý muốn cứu rỗi của Ngài cách kiên trì và chắc chắn hơn. Vậy, theo gương Chúa Kitô, Đấng đã đến để làm theo ý Chúa Cha (x. Ga 4,34; 5,30; Dt 10,7; Tv 39,9) “tự nhận thân phận tôi tớ” (Ph 2,7) và đã học tập đức vâng lời từ những điều phải chịu đựng (x. Dth 5,8), các tu sĩ, được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, lấy đức tin từng phục các vị Bề Trên, đại diện Thiên Chúa, và nhờ các ngài hướng dẫn, họ phục vụ mọi anh em trong Chúa Kitô, như chính Chúa Kitô vì tuân phục Chúa Cha đã phục vụ anh em và hiến mạng sống để cứu chuộc mọi người (x. Mt 20,28; Ga 10,14-18). Như thế, họ được liên kết chặt chẽ hơn với sứ mệnh phục vụ của Giáo Hội và nỗ lực đạt đến mức tuối sung mãn của Chúa Kitô (x. Ep 4,13).

Vậy các tu sĩ hãy khiêm tốn vâng phục Bề Trên của mình theo tiêu chuẩn qui luật và hiến chương, trong tinh thần tin kính và yêu mến đối với thánh ý Chúa, dùng tất cả năng lực trí tuệ, ý muốn cũng như năng khiếu và ơn Chúa ban để thi hành các giới lệnh và chu toàn những phận vụ đã được ủy thác cho mình, vì biết mình đang góp công xây dựng Thân Thể Chúa Kitô theo như ý định Thiên Chúa. Như thế, đức vâng lời trong đời tu trị chẳng những đã không giảm bớt phẩm giá, nhưng còn giúp nhân vị trưởng thành nhờ phát triển tự do của con cái Thiên Chúa.

Các vị Bề Trên sẽ phải trả lẽ về các linh hồn đã được ủy thác cho mình (x. Dt 13,17), nên hãy ngoan ngoãn tuân hành thánh ý Chúa khi chu toàn bốn phận vụ và hãy thi hành quyền bính trong tinh thần phục vụ anh em, làm sao để mình chứng được mối tình Thiên Chúa đã yêu họ. Với lòng kính trọng nhân vị, các ngài hãy cai quản những kẻ thuộc quyền như là những con cái Thiên Chúa bằng cách thúc đẩy sự vâng phục tự nguyện. Phải đặc biệt để cho họ được tự do cần thiết trong việc xưng

tội và linh hướng. Hãy hướng dẫn các tu sĩ biết cộng tác với tinh thần vàng lời tích cực và trách nhiệm, trong những bồn phận phải chu toàn và những sáng kiến cần có. Nên các Bề Trên hãy sẵn sàng lắng nghe các tu sĩ và khuyến khích họ cộng tác mưu lợi ích của hội dòng và của Giáo Hội, tuy nhiên vẫn phải duy trì quyền ấn định và truyền dạy những gì phải làm.

Các tu nghị và các hội đồng phải trung thành chu toàn bồn phận quản trị đã được ủy thác đồng thời thể hiện sự tham gia và lo âu của mọi tu sĩ mỗi người theo cách thức riêng đối với lợi ích của toàn thể cộng đoàn.

15. Đời sống chung. Đời sống chung được nuôi dưỡng bằng giáo lý Phúc Âm, Phụng Vụ Thánh và nhất là Bí Tích Thánh Thể phải được duy trì trong lời cầu nguyện, trong sự hiệp thông cùng một tinh thần (x. Cv 2,42), theo gương Giáo Hội sơ khai, trong đó các tín hữu chỉ có một tấm lòng, một tâm hồn (x. Cv 4,32). Là chi thể Chúa Kitô, các tu sĩ hãy mang lấy gánh nặng của nhau (x. Gl 6,2), và trọng kính lẫn nhau trong tinh thần giao hảo huynh đệ (x. Rm 12,10). Thực vậy, khi được tình yêu của Thiên Chúa nhờ Chúa Thánh Thần tràn đầy trong mọi tâm hồn (x. Rm 5,5), cộng đoàn giống như một gia đình thực sự đoàn tụ nhân danh Chúa, được hưởng sự hiện diện của Ngài (x. Mt 18,20). Yêu mến là chu toàn luật pháp (x. Rm 13,10) và là dây liên kết sự trọn lành (x. Cl 3,14); nhờ đức ái mà chúng ta biết rằng mình được chuyển từ cõi chết sang cõi sống (x. 1Ga 3,14). Hơn nữa, sự hiệp nhất huynh đệ loan báo Chúa Kitô đã đến (x. Ga 13,35; 17,21) và phát sinh một năng lực tông đồ mãnh liệt.

Để tình huynh đệ giữa các tu sĩ được mật thiết hơn, hãy để những người thường được gọi là “trợ sĩ” hay gọi bằng những tên tương tự, được liên kết chặt chẽ với cuộc sống và hoạt động của cộng đoàn. Trừ khi hoàn cảnh buộc phải làm thế khác, phải liệu sao để trong các dòng nữ chỉ có một bậc nữ tu độc nhất. Giữa các chị em, chỉ còn sự khác biệt do việc phân phối công tác đòi hỏi, công tác mà mỗi người lãnh nhận tùy theo ơn Chúa gọi đặc biệt hay do năng khiếu riêng.

Còn các đan viện và hội dòng nam không thuần túy dành cho giáo dân, tùy tính cách riêng, theo tiêu chuẩn do hiến chương ấn định, có thể chấp nhận giáo sĩ và giáo dân trên cùng một đẳng cấp, có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, trừ những gì thuộc về chức thánh. 10*

16. Luật nội cấm của đan viện nữ. Luật nội cấm giáo hoàng các đan viện nữ chuyên sống đời chiêm niệm thuần túy vẫn phải được duy trì, nhưng sau khi đã thu thập ý nguyện của chính các đan viện, hãy thích nghi với hoàn cảnh thời gian và không gian, bỏ những tập tục đã lỗi thời.

Còn các đan sĩ khác, chuyên lo việc tông đồ bên ngoài theo định chế được miễn khỏi giữ luật nội cấm giáo hoàng, để có thể dễ dàng hơn mà chu toàn bồn phận tông đồ đã được ủy thác, tuy nhiên vẫn giữ luật nội cấm tùy theo hiến chương ấn định.

17. Y phục tu sĩ. Y phục của tu sĩ là dấu chỉ sự tận hiến nên phải giản dị và khiêm tốn, khó nghèo và tề chỉnh, hơn nữa, phải phù hợp với sức khỏe và thích nghi với hoàn cảnh thời gian, không gian cũng như nhu cầu của chức vụ. Y phục của tu sĩ nam cũng như nữ, không thích ứng với các tiêu chuẩn trên đây, cần phải được sửa đổi.

18. Huấn luyện tu sĩ. Việc canh tân thích nghi các hội dòng lệ thuộc rất nhiều vào việc huấn luyện tu sĩ 11*. Vì thế, không được cho các tu sĩ không phải là giáo sĩ và các nữ tu ra làm việc tông đồ ngay khi vừa mãn nhà tập, nhưng phải tiếp tục huấn luyện họ cách thích đáng về mặt tu trì, tông đồ, giáo lý và kỹ thuật trong những nhà có đủ điều kiện; cũng nên cho họ thi lấy những văn bằng thích hợp.

Nhưng, để việc thích nghi đời dòng tu với những đòi hỏi của thời đại chúng ta không chỉ hời hợt bên ngoài và để những tu sĩ chuyên lo việc tông đồ bên ngoài theo hiến chương khỏi thiếu khả năng chu toàn nhiệm vụ, phải cho họ học biết cách thích đáng những lối sống, cách cảm nghĩ và suy tư đang thịnh hành trong xã hội hiện tại, mỗi người tùy khả năng trí thức và tâm tính riêng. Phải biết hòa hợp các yếu tố của việc huấn luyện sao cho người tu sĩ có một đời sống thuần nhất. Suốt đời, các tu sĩ hãy chuyên chăm hoàn bị việc huấn luyện tu đức, giáo lý, kỹ thuật; còn các Bề Trên hãy tùy sức lo cho họ có cơ hội, phương tiện và thời giờ để chu toàn bốn phận ấy.

Các Bề Trên cũng có nhiệm vụ chọn lựa kỹ lưỡng và chuẩn bị cẩn thận những vị Giám Đốc, Linh Hướng và Giáo Sư.

19. Thành lập hội dòng mới. Về việc thành lập những hội dòng mới, phải cân nhắc kỹ lưỡng xem có cần thiết, hay ít là có ích lợi lớn lao và có khả năng tăng triển không. Như thế mới tránh được sự thành lập bừa bãi những hội dòng vô ích hoặc thiếu sinh lực. Trong các Giáo Hội mới, hãy đặc biệt cố võ và phát triển những hình thức dòng tu thích hợp với tính tình và phong hóa dân chúng, với tập tục và hoàn cảnh địa phương.

20. Bảo toàn, thích nghi hoặc loại bỏ những điểm riêng biệt của dòng. Các hội dòng phải trung thành duy trì và chu toàn phận sự riêng, hãy để ý đến lợi ích của toàn thể Giáo Hội và các giáo phận mà thích nghi công việc với nhu cầu thời đại và địa phương, sử dụng những phương thế thích hợp, cả những phương thế tân tiến và loại bỏ những công việc nào ngày nay ít phù hợp với tinh thần và bản chất đích thực của hội dòng.

Tinh thần truyền giáo phải được tuyệt đối duy trì trong các hội dòng, được thích nghi tùy bản chất riêng của mỗi dòng với hoàn cảnh hiện tại, để việc rao giảng Phúc Âm giữa muôn dân được hữu hiệu.

21. Hội dòng và đan viện suy thoái. Còn các hội dòng và đan viện nào theo ý của các Đấng Bản Quyền liên hệ, và phán đoán của Tòa Thánh, không có hy vọng hữu lý để phát triển được, thì cấm nhận thêm tập sinh và nếu có thể, hãy sát nhập với một hội dòng hoặc một đan viện khác đang hưng thịnh hơn mà mục đích và tinh thần không khác nhau bao nhiêu.

22. Sự phối hợp giữa các hội dòng. Nếu tiện lợi và được Tòa Thánh chấp nhận, các hội dòng và đan viện tự trị hãy xúc tiến thành lập những hiệp hội nếu đại khái cùng thuộc về một gia đình tu, hoặc thành lập những liên hiệp nếu có hiến chương, tập tục tương tự và cũng sống theo một tinh thần, nhất là khi quá nhỏ bé, hoặc thành lập những liên hội nếu họ chuyên lo những công việc bề ngoài giống nhau hoặc trùng nhau.

23. Hội đồng Bề Trên Thượng Cấp. Nên cố võ những hội nghị hay hội đồng các Bề Trên Thượng Cấp do Tòa Thánh qui định, vì những hội đồng như vậy giúp ích rất

nhiều để mỗi hội dòng đạt tới mục đích riêng cách hoàn hảo hơn, để phát triển sự hợp tác hữu hiệu hơn nhằm mưu ích cho Giáo Hội, để phân phối đồng đều hơn các thợ chuyên giảng Phúc Âm trong một địa hạt nhất định, cũng như để cứu xét, thương lượng những vấn đề chung có liên quan đến các tu sĩ, trong khi phối hợp và cộng tác thích ứng với các Hội Đồng Giám Mục về lãnh vực hoạt động tông đồ.

Các tu hội triều cũng có thể thành lập những tổ chức tương tự.

24. On gọi tu dòng. Các linh mục và các nhà giáo dục Kitô giáo phải hết sức cố gắng để cổ động cho on gọi tu dòng được thêm đông, được chọn lựa thận trọng và thích đáng hầu đáp ứng đầy đủ với nhu cầu của Giáo Hội. Ngay khi giảng dạy thường ngày, cũng hãy nâng đỡ cập đến các lời khuyên Phúc Âm và việc chọn lựa bậc sống tu dòng. Trong khi giáo dục con cái theo luân lý Kitô giáo, cha mẹ phải vun trồng và bảo vệ các mầm non on gọi tu trì trong tâm hồn chúng.

Các hội dòng được phép tuyên truyền cho dòng mình để cổ võ on kêu gọi và tìm các ứng sinh, nhưng phải hành động với sự khôn ngoan cần thiết và tuân giữ những tiêu chuẩn do Tòa Thánh và Các Đấng Bản Quyền đã ban hành.

Tuy nhiên, các tu sĩ hãy nhớ rằng: gương sáng của đời sống cá nhân mới là lời giới thiệu hùng hồn nhất cho hội dòng mình và là lời mời gọi sống đời tu dòng hữu hiệu hơn hết.

25. Kết luận. Các hội dòng đã được Thánh Công Đồng có ý đề cập đến khi ấn định những tiêu chuẩn canh tân thích nghi này, hãy mau mắn đáp ứng on thiên triệu và phận vụ mình trong Giáo Hội thời hiện tại. Thực vậy, Thánh Công Đồng ngưỡng mộ cuộc đời trinh khiết khó nghèo và vâng lời của họ, đó là cách sống mà chính Chúa Kitô đã nêu gương; Thánh Công Đồng vưng lòng kỳ vọng nơi những công cuộc rất hữu hiệu của họ, dù âm thầm hay công khai. Vậy, hết thầy các tu sĩ hãy nhờ đức tin trọn hảo, đức mến Chúa yêu người, lòng mến thánh giá và niềm cậy trông vinh quang đời sau mà truyền bá Phúc Âm Chúa Kitô trên toàn thế giới, để mọi người thấy dấu chứng của họ và ngợi khen Cha chúng ta trên trời (x. Mt 5,16). Như thế, nhờ lời cầu bầu của Đức Trinh Nữ Maria rất dịu hiền, Mẹ Thiên Chúa, “mà cuộc đời của Mẹ là khuôn mẫu cho mọi người» 1, các hội dòng mỗi ngày một bành trướng và trở sinh những hoa trái cứu rỗi dồi dào hơn.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 28 tháng 10 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Chú Thích:

1* Xem Hiến chế tín lý về Giáo Hội, ch. VI, số 44.

2* Mỗi liên lạc mật thiết giữa các Quy Luật Dòng Tu và “Quy luật sống» đặt nền trên chính Chúa Kitô. Người ta thường không lưu tâm đúng mức đến sự liên lạc này.

3* Giáo Hội vẫn muốn duy trì tính chất đa dạng giữa các dòng tu. Đồng nhất hóa sẽ có nghĩa là giảm bớt các đoàn sủng của Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội.

4* Về phương cách thực hành việc tham khảo ý kiến và sự cộng tác của hết mọi thành phần trong Dòng, xem Tự sắc Ecclesiae Sanctae, phần II, các số 1-18.

5* Thế nên việc khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm chính là một sự tận hiến mới (xem Đề nghị tu chính 91, do 430 nghị phụ cổ võ). Cũng trong ý hướng đó, xem điển từ của Đức Thánh Cha với Đại hội của các Dòng, ngày 23-5-1960.

6* Ở đây Công Đồng muốn đáp ứng nguyện vọng của 385 Nghị Phụ xin xác nhận rõ ràng sự khẩn thiết số một của việc canh tân thiêng liêng.

7* Xem Huấn thị *Renovationis Causam*, các số 4,10.

8* Trong số 14,000 đề nghị tu chính cho toàn lược đồ về đời tu trì, có 1,042 đề nghị đã nhắm thẳng vào đức khó nghèo; sau khi gạt bỏ kỹ lưỡng đoạn văn chỉ vồn vện còn có 63 chữ theo nguyên bản.

9* Tóm kết giáo lý thần học về đức vâng lời, số này đã khéo léo xác định vị trí việc tuyên khấn vâng lời của các tu sĩ trong mẫu nhiệm Chúa Kitô, “Tôi Tớ Thiên Chúa», và giữa lòng mẫu nhiệm Giáo Hội. Đây là một trong những điểm thành công nhất của Sắc Lệnh.

10* Vấn đề bình đẳng quyền lợi này, xin xem *Ecclesiae Sanctae*, phần II.

11* Xét về tầm quan trọng, số này đáng lẽ phải được đặt ngay sau những đoạn bàn đến các lời khấn. Nó được tự sắc *Ecclesiae Sanctae* và nhất là huấn thị *Renovationis Causam* bổ túc đầy đủ.

1 T. Ambrosiô, *De Virginitate*, c. II, ch. II, số 15.

240 4. Các Tu Sĩ Dòng Tu

33. Tất cả những Tu sĩ Dòng Tu mà những điều sau đây bàn đến, là những người đã tuyên hứa theo những lời khuyên Phúc Âm trong các Tu Hội, tùy theo ơn gọi riêng của mỗi Tu Hội, có nhiệm vụ tận lực và chuyên cần gắng sức xây dựng phát triển toàn diện Nhiệm Thể Chúa Kitô và mưu cầu ích lợi cho các Giáo Hội địa phương.

Họ buộc phải theo đuổi những mục đích đó trước hết bằng lời cầu nguyện, các việc thống hối và bằng gương mẫu đời sống cá nhân. Thánh Công Đồng cũng thiết tha khuyến khích họ luôn luôn quý mến và siêng năng thực hiện các việc ấy. Nhưng, tùy theo đặc tính của mỗi Dòng Tu, các tu sĩ còn phải tận lực tham gia các công việc tông đồ bên ngoài.

34. Những linh mục dòng tu được thánh hiến thi hành chức vụ linh mục, để chính họ trở thành những cộng sự viên khôn ngoan của Hàng Giám Mục, ngày nay có thể giúp đỡ các Giám Mục nhiều hơn, trước nhu cầu gia tăng của các linh hồn. Như thế, xét theo phương diện nào đó, phải nói rằng các Ngài thực sự liên hệ với hàng giáo sĩ giáo phận, vì cùng chia sẻ công việc săn sóc các linh hồn và các công cuộc tông đồ dưới quyền của các vị Lãnh Đạo giáo phận.

Cả những thành phần khác như các nam hay nữ tu, vì lý do đặc biệt, đều thuộc về gia đình giáo phận, cũng giúp đỡ nhiều cho Hàng Giáo Phẩm; và vì nhu cầu tông đồ mỗi ngày một gia tăng, nên họ có thể và phải giúp đỡ mỗi ngày một hơn.

35. Để hoạt động tông đồ trong mỗi giáo phận luôn luôn được thực hiện một cách hoà hợp và để sự duy nhất của kỷ luật giáo phận được bảo toàn, Thánh Công Đồng quy định những nguyên tắc căn bản sau đây:

1) Tất cả các Tu Sĩ Dòng Tu phải sốt sắng tuân phục và kính trọng các Giám Mục là những Đấng kế vị các Tông Đồ. Ngoài ra, mỗi khi được mời cách hợp pháp tham dự các hoạt động tông đồ, họ buộc phải thi hành nhiệm vụ của mình sao cho thành những cộng sự viên thường trực và từng phục Giám Mục. Nhất là các tu Sĩ Dòng Tu hãy mau mắn và trung thành hưởng ứng lời thỉnh cầu và nguyện vọng của các Giám Mục để lãnh nhận những vai trò rộng lớn hơn trong nhiệm vụ cứu rỗi con người, nhưng vẫn duy trì đặc tính của Tu Hội và theo đúng Hiến Pháp, và nếu cần Hiến Pháp đó sẽ được thích nghi với mục đích ấy, theo các nguyên tắc trong Sắc Lệnh này của Công Đồng.

Nhất là vì quan tâm đến nhu cầu khẩn cấp của các linh hồn và vì thiếu các giáo sĩ giáo phận, nên Giám Mục có thể kêu gọi những Tu Hội không hoàn toàn sống đời chiêm niệm giúp đỡ những việc mục vụ khác nhau, nhưng vẫn tùy theo đặc tính riêng của mỗi Tu Hội; để giúp đỡ công việc trên, các Bề Trên phải tùy sức hưởng ứng việc lãnh nhận giáo xứ dù là tạm thời.

2) Còn các tu sĩ được sai đi phụ trách hoạt động tông đồ ở ngoài vẫn phải thấm nhuần tinh thần của Tu Hội, luôn luôn trung thành giữ luật và vâng phục Bề Trên tu hội. Giám mục đừng quên nhấn mạnh đến nghĩa vụ này.

3) Tính chất miễn trừ - bởi đó các tu sĩ Dòng tu thuộc quyền Đức Giáo hoàng hay một Thẩm Quyền khác trong Giáo Hội và không tùy thuộc quyền của các Giám mục - đặc biệt liên hệ tới tổ chức nội bộ của các Tu Hội để mọi việc trong các Tu Hội trở

nên thích hợp và liên lạc chặt chẽ với nhau hơn và sự tiến bộ cũng như sự trọn lành của đời sống dòng tu được lo lắng tới nhiều hơn 19; cũng để Đức Giáo hoàng có thể sắp đặt các tu sĩ dòng tu theo ích lợi của toàn thể Giáo Hội 20; và để Thẩm Quyền khác phân phối hợp với lợi ích của Giáo Hội thuộc quyền. Những đặc tính miễn trừ ấy không ngăn cản việc các Tu sĩ trong mỗi giáo phận từng phục quyền các Giám mục theo giáo luật, như việc chu toàn phận sự mục vụ của các Ngài và việc coi sóc các linh hồn một cách đúng mức đòi hỏi 21.

4) Mọi tu sĩ, miễn trừ và không miễn trừ, đều phải phục tùng các Đấng Bản Quyền địa phương trong những điều liên quan tới cách cử hành công khai việc thờ phượng, nhưng vẫn kính trọng về khác biệt của các Nghi Thức, trong những điều liên quan tới việc coi sóc các linh hồn, việc giảng huấn thánh cho dân chúng, việc giáo dục tôn giáo và luân lý cho các Kitô hữu, đặc biệt là cho các thiếu nhi, việc tổ chức dạy giáo lý và huấn luyện phụng vụ, tư cách của hàng giáo sĩ và cả những công việc khác liên hệ tới việc thi hành hoạt động tông đồ thánh. Những học đường công giáo của các tu sĩ cũng phải thuộc quyền các Đấng Bản Quyền địa phương về những gì liên hệ đến tổ chức và sự chăm sóc chung, tuy nhiên các tu sĩ vẫn nắm quyền điều hành các trường đó. Cũng thế, các tu sĩ buộc phải tuân giữ tất cả những gì mà các Công Đồng hay Hội Đồng Giám mục ban bố cách hợp pháp buộc mọi người phải giữ.

5) Giữa các Tu Hội với nhau, cũng như giữa các Tu Hội với hàng giáo sĩ giáo phận, phải khuyến khích việc hợp tác có tổ chức. nhất là phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa mọi công việc và hoạt động tông đồ, nó tùy thuộc ở ý hướng siêu nhiên của tinh thần và tâm hồn, đâm rễ sâu và xây dựng trên đức ái. Toà Thánh có nhiệm vụ lo lắng việc phối hợp cho toàn thể Giáo Hội; còn mỗi Chủ Chăn lo cho giáo phận mình; sau hết, các Thượng Hội Đồng Giám mục và các Hội Đồng Giám mục lo cho lãnh thổ mình.

Các Giám Mục hay các Hội Đồng Giám mục và các Bề Trên dòng tu, hoặc Hội Đồng các Bề Trên Cả hãy vui lòng tiến hành việc thảo luận chung với nhau về những dự án các công việc tông đồ do các tu sĩ thực hiện.

6) Để đồng một lòng tán trợ những mối tương quan giữa các Giám mục và các tu sĩ cách hữu hiệu, các Giám mục và các Bề Trên dòng tu hãy vui lòng hợp lại với nhau vào những kỳ hạn nhất định, và mỗi khi thấy thích hợp, để thảo luận về những công việc có liên hệ tổng quát hoạt động tông đồ tại lãnh thổ mình.